Brandcom.vn

DANH SÁCH CÁC TÒA NHÀ QUẢNG CÁO FRAME TẠI HÀ NỘI

STT	PHÂN LOẠI TÒA NHÀ	TÒA NHÀ	ĐỊA CHỈ	QUẬN/ HUYỆN	LƯU Ý	SỐ TẦNG	DIỆN TÍCH	SỐ THANG	TỔNG FRAME	CHI PHÍ IN ẤN		SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC	LƯỢNG KHÁCH/ TUẦN	LƯỢT XEM QC/TUẦN	SỐ FRAME QC	TG (Tuần)	CHI PHÍ/ 1 TUẦN (VNĐ)	TỔNG CHI PHÍ		
																		DF	SL	TỔNG FRAME
545		TÒA NHÀ HÀ NỘI								DF	SL									
LOẠI 1																				
1	VP&CC	34T (block C)	Trung Hoà Nhân Chính (Tầng 24-34)	Cầu Giấy	Trong thang máy	34	1,500	3	6DF;3SF	1	1	4,800	4,365	200,790	1	1	2,025,000	2,025,000	2,025,000	4,050,000
2	VP&CC	34T (block A)	Trung Hoà Nhân Chính (Tầng 10-12)	Cầu Giấy	Trong thang máy	34	1,500	3	6DF;3SF	1	1	4,800	4,365	200,790	1	1	2,025,000	2,025,000	2,025,000	4,050,000
3	VP&CC	34T (block B)	Trung Hoà Nhân Chính (Tầng 12-24)	Cầu Giấy	Trong thang máy	34	1,500	3	6DF;3SF	1	1	4,800	4,365	200,790	1	1	2,025,000	2,025,000	2,025,000	4,050,000
4	VP	C'Land _Office	165 Xã Đàn	Đống Đa	Không BĐS	22	1,500	4	9DF	1	-	6,600	5,445	250,470	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
5	VP	Charmvit Tower Bock B	117 Trần Duy Hưng	Cầu Giấy	Trong thang máy	28	2,000	4	2DF	1	-	11,200	9,240	425,040	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
6	VP	Charmvit Tower Bock C	117 Trần Duy Hưng	Cầu Giấy	Trong thang máy	28	2,000	4	4DF	1	-	11,200	9,240	425,040	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
7	VP	Galeximco (lắp ngoài sảnh)	36 Hoàng Cầu	Đống Đa	Không BĐS	17	3,600	7	5DF	1	-	12,240	10,098	464,508	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
8	VP	Hapro Buidling	11B Cát Linh	Đống Đa	Lắp cửa hầm B1,	14	2,900	4	2DF	1	-	8,120	6,699	308,154	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
9	VP	Hapulico Office Building Block A	Số 1, Nguyễn Huy Tưởng	Thanh Xuân	Không BĐS	25	600	3	3DF	1	-	3,000	2,475	113,850	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
10	VP	Hapulico Office Building Block B	Số 1, Nguyễn Huy Tưởng	Thanh Xuân	Không BĐS	25	600	3	5DF	1	-	3,000	2,475	113,850	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
11	VP	Hapulico Office Building Block C	Số 1 Nguyễn Huy Tưởng	Thanh Xuân	Không BĐS. Tro	25	600	3	2DF	1	-	3,000	2,475	113,850	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
12	VP	Hanoi Tourist Building	18 Lý Thường Kiệt	Hoàn Kiếm	Không BĐS	12	2,000	4	6DF	1	-	4,800	3,960	182,160	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
13	VP	Hòa Bình International Tower	106 Hoàng Quốc Việt	Cầu Giấy	Không BĐS	22	1,000	2	2DF	1	-	1,100	1,155	53,130	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
14	CC	IPH Residences_East	241 Xuân Thủy	Cầu Giấy	Không BĐS. Tre	31	1,200	3	2DF	1	-	1,860	1,953	89,838	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
15	CC	IPH Residences_West	241 Xuân Thủy	Cầu Giấy	Không BĐS	31	1,200	3	2DF	1	-	7,440	6,138	282,348	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
16	VP	Ladeco Tower	266 Đội Cấn	Ba Đình	Trong thang máy	20	1,500	3	6DF	1	-	6,000	4,950	277,200	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
17	TTTM	Mipec Lotte Mark Block A	229 Tây Sơn	Đống Đa	Trong thang máy	5	8,000	2	4DF	1	-	8,000	6,600	369,600	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
18	TTTM	Mipec Lotte Mark Block B	299 Tây Sơn	Đống Đa	Trong thang máy	5	8,000	2	6DF	1	-	8,000	6,600	303,600	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
19	VP	Oriental Tower (lắp ngoài sảnh)	234 Tây Sơn	Đống Đa	Sảnh tầng hầm.	16	1,000	2	2DF	1	-	3,200	2,640	147,840	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
20	TTTM	Parkson TTTM	Số 1 Thái Hà	Đống Đa	Trong thang máy	20	1,500	2	6DF	1	-	6,000	4,950	277,200	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
21	TTTM	The Garden	Mỹ Đình	Từ Liêm	Trong thang máy	7	4,000	8	7DF	1	-	5,600	4,620	212,520	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
22	VP	Tòa nhà 14 Láng Hạ	14 Láng Hạ	Ba Đình	Trong thang máy	13	2,856	2	3DF	1	-	7,426	6,126	281,802	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
23	VP	Tòa nhà Bắc Á	9 Đào Duy Anh	Đống Đa	Trong thang máy	15	850	4	7DF	1	-	2,550	2,104	96,773	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
24	VP	Tổng Công ty XD số 1	59Quang Trung, P. Nguyễn Du	Hai Bà Trưng	Trong thang máy	17	900	2	4DF	1	-	3,060	2,525	116,127	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
25	VP	TTC Tower	Lô B1, Đường Duy Tân	Cầu Giấy	Lắp sảnh Tầng1	17	950	3	2DF	1	-	3,230	2,665	149,226	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
26	TTTM	TTTM Grand Plaza (lắp bên ngoài)	117 Trần Duy Hưng	Cầu Giấy	Trong thang máy	1	8,000	2	2DF	1	-	1,600	1,320	60,720	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
27	VP	VID Tower 1	115 Trần Hưng Đạo	Hoàn Kiếm	Không BĐS,khôi	19	800	3	3DF	1	-	3,040	2,508	115,368	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
28	VP	Viet Tower	Số 1 Thái Hà	Đống Đa	Trong thang máy	20	1,500	4	4DF	1	-	6,000	4,950	227,700	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
29	VP	Vietcombank	198 Trần Quang Khải	Hoàn Kiếm	Ko treo bank trừ	22	1,500	6	8DF, 8SF	1	1	6,600	5,445	250,470	1	1	2,025,000	2,025,000	2,025,000	2,025,000
30	VP	Viettinbank Nam Bộ	34 Cửa Nam	Hoàn Kiếm	Ko treo bank trừ	17	1,300	6	5DF	1	-	4,420	3,647	167,739	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
31	VP	Vietbank Building	72-74 Bà Triệu	Hoàn Kiếm	treo ngoài sảnh,Ko treo	16	800	2	1DF	1	-	2,560	2,112	97,152	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
32	VP	Vinafor Tower (lắp bên ngoài)	127 Lò Đúc	Hai Bà Trưng	Cửa thang máy h	15	1,200	4	2DF	1	-	3,600	2,970	166,320	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
33	TTTM	Vincom Gallary (thang trong)	191 Bà Triệu	Hoàn Kiếm	Không BĐS	7	1,550	3	5DF	1	-	2,170	1,790	100,254	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000

34	TTTM	Vincom Megastar	191 Bà Triệu	Hoàn Kiếm	Không BĐS	7	1,550	4	7DF	1	-	2,170	1,790	100,254	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
35	TTTM	Vincom Trade Center (191 Bà Triệu)	191 Bà Triệu	Hoàn Kiếm	Không BĐS	7	1,550	2	4DF	1	-	543	570	26,203	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
36	CC	Vincom Royal City R1_ Block A thang lẻ	72A Nguyễn Trãi	Thanh Xuân	Không BĐS	19	1,750	4	3DF	1	-	1,663	1,746	80,299	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
37	CC	Vincom Royal City R1_ Block A thang chẵn	72A Nguyễn Trãi	Thanh Xuân	Không BĐS	19	1,750	3	6DF	1	-	1,663	1,746	80,299	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
38	CC	Vincom Royal City R1_ Block B thang lẻ	72A Nguyễn Trãi	Thanh Xuân	Không BĐS	19	1,750	3	3DF	1	-	1,663	1,746	80,299	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
39	CC	Vincom Royal City R1_ Block B thang chẵn	72A Nguyễn Trãi	Thanh Xuân	Không BĐS	19	1,750	4	6DF	1	-	1,663	1,746	80,299	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
40	CC	Vincom Royal City R2_ Block A thang lẻ	72A Nguyễn Trãi	Thanh Xuân	Không BĐS	35	1,850	3	5DF	1	-	3,238	3,399	156,371	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
41	CC	Vincom Royal City R2_ Block A thang chẵn	72A Nguyễn Trãi	Thanh Xuân	Không BĐS	35	1,850	4	4DF	1	-	3,238	3,399	156,371	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
42	CC	Vincom Royal City R2_ Block B thang lẻ	72A Nguyễn Trãi	Thanh Xuân	Không BĐS	35	1,850	3	5DF	1	-	3,238	3,399	156,371	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
43	CC	Vincom Royal City R2_ Block B thang chẵn	72A Nguyễn Trãi	Thanh Xuân	Không BĐS	35	1,850	4	4DF	1	-	3,238	3,399	156,371	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
44	CC	Vincom Royal City R3_ Block A	72A Nguyễn Trãi	Thanh Xuân	Không BĐS	19	1,750	4	3DF	1	-	1,663	1,746	80,299	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
45	CC	Vincom Royal City R3_ Block B	72A Nguyễn Trãi	Thanh Xuân	Không BĐS	19	1,750	4	3DF	1	-	6,650	5,486	252,368	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
46	CC	Vincom Royal City R4- Block A thang lẻ	72A Nguyễn Trãi	Thanh Xuân	Không BĐS	35	1,850	3	3DF	1	-	12,950	10,684	491,453	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
47	CC	Vincom Royal City R4- Block A thang chẵn	72A Nguyễn Trãi	Thanh Xuân	Không BĐS	35	1,850	3	4DF	1	-	3,238	3,399	156,371	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
48	CC	Vincom Royal City R4- Block B thang lẻ	72A Nguyễn Trãi	Thanh Xuân	Không BĐS	35	1,850	3	3DF	1	-	3,238	3,399	156,371	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
49	CC	Vincom Royal City R4- Block B thang chẵn	72A Nguyễn Trãi	Thanh Xuân	Không BĐS	35	1,850	3	4DF	1	-	3,238	3,399	156,371	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
50	CC	Vincom Royal City R5- Block A thang lẻ	72A Nguyễn Trãi	Thanh Xuân	Không BĐS	35	1,850	3	3DF	1	-	3,238	3,399	156,371	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
51	CC	Vincom Royal City R5- Block A thang chẵn	72A Nguyễn Trãi	Thanh Xuân	Không BĐS	35	1,850	3	4DF	1	-	3,238	3,399	156,371	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
52	CC	Vincom Royal City R5- Block B thang lẻ	72A Nguyễn Trãi	Thanh Xuân	Không BĐS	35	1,850	3	3DF	1		3,238	3,399	156,371	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
53	CC	Vincom Royal City R5- Block B thang chẵn	72A Nguyễn Trãi	Thanh Xuân	Không BĐS	35	1,850	3	4DF	1		3,238	3,399	156,371	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
54	VP	Vincom Royal City R6- Block A	72A Nguyễn Trãi	Thanh Xuân	Không BĐS	27	1,200	2	3DF	1	-	6,480	5,346	245,916	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
55	VP	Vincom Royal City R6- Block B	72A Nguyễn Trãi	Thanh Xuân	Không BĐS	27	1,200	2	3DF	1	-	6,480	5,346	245,916	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
56	CC	Vincom Royal R6 Apartment Block A	72A Nguyễn Trãi, Thanh Xuân	Thanh Xuân	Không BĐS	30	1,000	3	4DF	1		1,500	1,575	72,450	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
57	CC	Vincom Royal R6 Apartment Block B	72A Nguyễn Trãi, Thanh Xuân	Thanh Xuân	Không BĐS	30	1,000	3	4DF	1		1,500	1,575	72,450	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
58	CC	Vincom Time city T1 Block A	458Minh Khai	Hai Bà Trưng	Không BĐS	27	1,000	3	3DF	1	-	1,350	1,418	65,205	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
59	CC	Vincom Time city T1 Block B	458Minh Khai	Hai Bà Trưng	Không BĐS	27	1,000	3	3DF	1	-	5,400	4,455	204,930	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
60	CC	Vincom Time City T2_ Block A	458 Minh Khai	Hai Bà Trưng	Không BĐS	31	1,000	3	3DF	1	-	6,200	4,455	204,930	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
61	CC	Vincom Time City T2_ Block B	458 Minh Khai	Hai Bà Trưng	Không BĐS	31	1,000	3	3DF	1	-	6,200	5,115	235,290	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
62	CC	Vincom Time City T3_ Block A	458 Minh Khai	Hai Bà Trưng	Không BĐS	31	1,000	3	3DF	1	-	6,200	5,115	235,290	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
63	CC	Vincom Time City T3_ Block B	458 Minh Khai	Hai Bà Trưng	Không BĐS	31	1,000	3	3DF	1	-	6,200	5,115	235,290	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
64	CC	Vincom Time City T5_ Block A	458 Minh Khai	Hai Bà Trưng	Không BĐS	27	1,000	3	3DF	1	-	1,350	1,418	65,205	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
65	CC	Vincom Time City T5_ Block B	458 Minh Khai	Hai Bà Trưng	Không BĐS	27	1,000	3	3DF	1	-	1,350	1,418	65,205	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
66	CC	Vincom Time City T6_ Block A	458 Minh Khai	Hai Bà Trưng	Không BĐS	27	1,000	3	3DF	1	-	5,400	4,455	204,930	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
67	CC	Vincom Time City T6_ Block B	458 Minh Khai	Hai Bà Trưng	Không BĐS	27	1,000	3	3DF	1	-	5,400	4,455	204,930	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
68	CC	Vincom Time City T7_ Block A	458 Minh Khai	Hai Bà Trưng	Không BĐS	27	1,000	3	3DF	1	-	5,400	4,455	204,930	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
69	CC	Vincom Time City T7_ Block B	458 Minh Khai	Hai Bà Trưng	Không BĐS	27	1,000	3	3DF	1	-	1,350	1,418	65,205	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000

70	VP	Xuân Thủy Landmark Office A	173 Xuân Thủy	Cầu Giấy	Không BĐS	27	1,500	1	2DF	1	-	2,025	2,126	97,808	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
71	VP	Xuân Thủy Landmark Office B	173Xuân Thủy	Cầu Giấy	Không BĐS	27	1,500	1	2DF	1	-	8,100	6,683	307,395	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
72	VP	CTM Complex	139 Cầu Giấy	Cầu Giấy	Không BĐS	20	900	3	3DF	1	-	3,600	2,970	136,620	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
73	VP	Capital Building	72 Trần Hưng Đạo	Hoàn Kiếm	Trong thang máy	9	900	3	7DF	1	-	1,620	1,337	61,479	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
74	VP	Star City Block B	số 2 Lê Văn Lương	Thanh Xuân	Không BĐS	30	745	3	4DF	1	-	4,468	3,686	169,561	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
75	CC	Star City Block A	số 2 Lê Văn Lương	Thanh Xuân	Không BĐS	30	745	3	2DF	1	-	1,117	1,173	53,951	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
76	CC	Star City Block C	số 2 Lê Văn Lương	Thanh Xuân	Không BĐS	30	745	3	2DF	1	-	1,117	1,173	53,951	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
77	VP	Bộ công thương	655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm	Từ Liêm	Trong thang máy	17	1,000	4	5DF	1	-	3,400	2,805	129,030	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
78	VP	Hòa Bình Somerset	106 Hoàng Quốc Việt	Cầu Giấy	treo hầm B2.	21	1,000	4	2DF	1	-	4,200	3,465	159,390	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
79	VP	Hei Tower Office	1 Nguy Như Kon Tum	Thanh Xuân	Sảnh thang máy t	6	3,000	3	2DF	1		3,600	2,970	136,620	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
80	CC	Hei Tower Block 1	1 Nguy Như Kon Tum	Thanh Xuân	Sảnh thang máy t	25	3,000	3	2DF	1		3,750	3,938	181,125	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
81	CC	Hei Tower Block 2	1 Nguy Như Kon Tum	Thanh Xuân	Sảnh thang máy t	25	3,000	3	2DF	1		3,750	3,938	181,125	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
82	VP	Cục quản trị ngân hàng nhà nước VN- block A	25A, Lý Thường Kiệt,	Hoàn Kiếm	Trong thang máy	15	1,500	6	8DF	1		4,500	3,713	170,775	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
83	VP	Cục quản trị ngân hàng nhà nước VN- block B	25A, Lý Thường Kiệt,	Hoàn Kiếm	Trong thang máy	15	1,500	2	2DF	1		4,500	3,713	170,775	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
84	VP/CC	Thăng Long Number One Block A1	Số 1 Đại lộ Thăng Long	Từ Liêm	Sảnh thang máy t	40	2,368	4	2DF	1		7,578	6,891	316,980	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
85	VP/CC	Thăng Long Number One Block A2	Số 1 Đại lộ Thăng Long	Từ Liêm	Sảnh thang máy t	40	2,368	4	2DF	1		7,578	6,891	316,980	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
86	VP/CC	Thăng Long Number One Block B1	Số 1 Đại lộ Thăng Long	Từ Liêm	Sảnh thang máy t	40	2,567	4	2DF	1		8,214	7,470	343,619	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
87	VP/CC	Thăng Long Number One Block B2	Số 1 Đại lộ Thăng Long	Từ Liêm	Sảnh thang máy t	40	2,567	4	2DF	1		8,214	7,470	343,619	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
88	VP/CC	Thăng Long Number One Block B3	Số 1 Đại lộ Thăng Long	Từ Liêm	Sảnh thang máy t	40	2,567	4	2DF	1		8,214	7,470	343,619	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
89	TTTM	Vincom Center Nguyễn Chí Thanh	56 Nguyễn Chí Thanh	Đống Đa	Trong thang máy	6	3,600	4	8DF	1		4,320	3,564	163,944	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
90	VP/CC	N.04 Tòa tháp A	Khu N.4 Hoàng Đạo Thúy	Cầu Giấy	Trong thang máy	29	2,000	4	6DF	1		6,400	5,820	267,720	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
91	VP/CC	N.04 Tòa tháp B	Khu N.4 Hoàng Đạo Thúy	Cầu Giấy	Trong thang máy	29	1,800	3	4DF	1		5,760	5,238	240,948	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
92	VP/CC	N.04 Tòa tháp C	Khu N.4 Hoàng Đạo Thúy	Cầu Giấy	Trong thang máy	29	1,800	3	4DF	1		5,760	5,238	240,948	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
93	CC	Trung Yên Plaza block A	Trung Yên 5, Trung hòa	Cầu Giấy	sảnh thang máy tầ	30	1,200	2	2DF	1		1,800	1,890	86,940	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
94	CC	Trung Yên Plaza block B	Trung Yên 5, Trung hòa	Cầu Giấy	sảnh thang máy tầ	30	1,200	2	2DF	1		1,800	1,890	86,940	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
95	VP	Techno Soft building	só 8 ngõ 15 Duy Tân	Cầu Giấy	Trong thang máy	9	1,000	2	4DF	1		1,800	1,485	68,310	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
96	vp	Vinaconex Tower	34 Lang Ha	Đống Đa	không BĐS	27	900	2	2DF	1		4,860	4,010	184,437	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
97	VP	Mipec A	229 Tây Sơn	Đống Đa	Trong thang máy	27	2,000	2	2DF	1		10,800	8,910	409,860	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
98	VP	Sky City Tower	88 Láng Hạ	Đống Đa	Trong thang máy	31	1,500	1	2DF	1		9,300	7,673	352,935	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
99	VP	Tổng Cty CP Thiết bị điện VN - Gelex Emic	52 Lê Đại Hành	Hai Bà Trưng	Trong thang máy	22	900	2	2DF	1		3,960	3,267	150,282	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
100	VP	HCO (Melia HN)	44B Lý Thường Kiệt	Hoàn Kiếm	Trong thang máy	22	1,000	2	2DF	1		4,400	3,630	166,980	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
101	VP	TTX Việt Nam	5 Lý Thường Kiệt	Hoàn Kiếm	Trong thang máy	12	1,300	2	2DF	1		3,120	2,574	118,404	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
102	VP	Sentinel Place	41A Lý Thái Tổ	Hoàn Kiếm	Trong thang máy	9	800	1	2DF	1		1,440	1,188	54,648	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
103	VP	VOV	58 Quán Sứ	Hoàn Kiếm	Trong thang máy	18	1,200	1	2DF	1		4,320	3,564	163,944	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
104	VP	Trụ sở Bảo Việt	8 Lê Thái Tổ	Hoàn Kiếm	Không Ngân Hàn	7	800	2	2DF	1		1,120	924	42,504	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
105	VP	VPI Tower	173 Trung Kinh	Cầu Giấy	Trong thang máy	19	2,500	3	2DF	1		9,500	7,838	360,525	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
106	VP	FPT Building	Duy Tân	Cầu Giấy	Trong thang máy	17	2,000	2		1		6,800	5,610	258,060	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
107	VP	CMC Tower	Phố Duy Tân, Dịch Vọng	Cầu Giấy	Không viễn thông	20	1,100	1	2DF	1		4,400	3,630	166,980	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
108	VP	Việt Á Tower	Khu TTCN mới Cầu Giấy	Cầu Giấy	Trong thang máy	17	1,800	1	2DF	1		6,120	5,049	232,254	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000

109	VP	VDC Tower	Nguyễn Phong Sắc	Cầu Giấy	Trong thang máy	15	800	1	2DF	1		2,400	1,980	91,080	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
110	VP	Pisd Tower	148 Hoàng Quốc Việt	Cầu Giấy	Trong thang máy	20	1,100	1	2DF	1		4,400	3,630	166,980	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
111	VP	Keangnam Office Block A	E6 Phạm Hùng	Từ Liêm	không BĐS	72	3,000	2	2DF	1		43,200	35,640	1,639,440	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
112	VP	Keangnam Office Block B	E6 Phạm Hùng	Từ Liêm	không BĐS	72	3,000	2	2DF	1		43,200	35,640	1,639,440	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
113	VP	Keangnam Office Block C	E6 Phạm Hùng	Từ Liêm	không BĐS	72	3,000	2	2DF	1		43,200	35,640	1,639,440	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
114	VP/CC	Keangnam Retail (chung cư tháp B)	E6 Phạm Hùng	Từ Liêm	không BĐS	72	3,000	1	1DF	1		9,600	8,730	401,580	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
115	VP/CC	Keangnam Retail (TTTM và dịch vụ)	E6 Phạm Hùng	Từ Liêm	không BĐS	5	7,000	2	2DF	1		22,400	20,370	937,020	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
116	VP	Vinaconex 9 Tower	Mễ Trì Hạ Phạm Hùng	Từ Liêm	không BĐS	22	700	2	2DF	1		3,080	2,541	116,886	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
117	VP	HH4 Twin Tower A	Phạm Hùng	Từ Liêm	không BĐS	28	3,200	2	2DF	1		17,920	14,784	680,064	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
118	VP	HH4 Twin Tower B	Phạm Hùng	Từ Liêm	không BĐS	28	3,200	2	2DF	1		17,920	14,784	680,064	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
119	VP	HH4 Twin Tower C	Phạm Hùng	Từ Liêm	không BĐS	6	3,200	2	2DF	1		3,840	3,168	145,728	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
120	VP	VTN - Tower	30 Phạm Hùng	Từ Liêm	không chụp hình	18	1,200	1	2DF	1		4,320	3,564	163,944	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
121	VP	HH3	Mỹ Đình, Mễ Trì	Từ Liêm	ko BĐS	18	800	2	2DF	1		2,880	2,376	109,296	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
122	VP/CC	Euro Window A	27 Trần Duy Hưng	Cầu Giấy	không BĐS	30	2,000	2	2DF	1		12,000	9,900	455,400	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
123	VP/CC	Euro Window B	28 Trần Duy Hưng	Cầu Giấy	không BĐS	30	2,000	2	2DF	1		12,000	9,900	455,400	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
124	CC	Vincom Nguyễn Chí Thanh Apartment Block A	Nguyễn Chí Thanh	Đống Đa	Không BĐS. Tro	30	1,000	3	4DF	1		6,000	4,950	227,700	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
125	CC	Vincom Nguyễn Chí Thanh Apartment Block B	Nguyễn Chí Thanh	Đống Đa	Không BĐS. Tro	30	1,000	4	4DF	1		1,500	1,575	72,450	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
126	CC	Vincom Nguyễn Chí Thanh Apartment Block C	Nguyễn Chí Thanh	Đống Đa	Không BĐS. Tro	30	1,000	5	2DF	1		1,500	1,575	72,450	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
127	TTTM	KDT Vincom Riveside	P. Việt Hưng	Long Biên	Không BĐS. Tro	6	5,000	6	6DF	1		6,000	4,950	227,700	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
128	VP	Hapulico Center (Block thang nội bộ)	85 Vũ Trọng Phụng	Thanh Xuân	Không BĐS. Tần	25	1,200	1	2DF	1		6,000	4,950	227,700	1	2	2,025,000	4,050,000	-	4,050,000
129	VP	Bộ khoa học và công nghệ block A	113 Trần Duy Hưng	Cầu Giấy	Trong thang máy	16	1,000	2	2DF	1		3,200	2,640	121,440	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
130	VP	Bộ khoa học và công nghệ block B	113 Trần Duy Hưng	Cầu Giấy	Trong thang máy	16	1,000	2	1DF	1		3,200	2,640	121,440	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
131	VP	Tổng Cục Hải Quan	Lô E3 Dương Đình Nghệ	Cầu Giấy	Ko chụp hình tro	20	2,500	6	2DF	1		10,000	8,250	379,500	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
132	CC	Golden West Building Block B	Số 2 Lê Văn Thiêm	Thanh Xuân	Trong thang máy	28	1,200	3	4DF	1		1,680	1,764	81,144	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
133	CC	Golden West Building Block C	Số 2 Lê Văn Thiêm	Thanh Xuân	Trong thang máy	28	1,200	3	4DF	1		1,680	1,764	81,144	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
134	CC	Golden West Building Block A	Số 2 Lê Văn Thiêm	Thanh Xuân	Trong thang máy	28	1,200	3	4DF	1		1,680	1,764	81,144	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
135	CC	Mipec Riverside Long Biên Block A1	Số 2 Long Biên II, phường Ngọc Lâm	Long Biên	Trong thang máy	35	4,000	3	4DF	1		7,000	7,350	338,100	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
136	CC	Mipec Riverside Long Biên Block A2	Số 2 Long Biên II, phường Ngọc Lâm	Long Biên	Trong thang máy	35	4,000	3	4DF	1		7,000	7,350	338,100	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
137	CC	Mipec Riverside Long Biên Block B1	Số 2 Long Biên II, phường Ngọc Lâm	Long Biên	Trong thang máy	35	4,000	3	4DF	1		7,000	7,350	338,100	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
138	CC	Mipec Riverside Long Biên Block B2	Số 2 Long Biên II, phường Ngọc Lâm	Long Biên	Trong thang máy	35	4,000	3	4DF	1		7,000	7,350	338,100	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
139	CC	Mipec Riverside Long Biên VIP	Số 2 Long Biên II, phường Ngọc Lâm	Long Biên	Trong thang máy	35	4,000	2	4DF	1		7,000	7,350	338,100	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
LOẠI 2														**131**						
1	CC	130 Nguyễn Đức Cảnh - appartment	130 Nguyễn Đức Cảnh	Hoàng Mai	Không BĐS	17	2,000	2	2DF	1	-	1,700	1,785	82,110	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
2	VP	130 Nguyễn Đức Cảnh Building office	130 Nguyễn Đức Cảnh	Hoàng Mai	Không BĐS	17	2,000	2	2DF	1	-	6,800	5,610	258,060	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
3	CC	15T	Trung Hoà Nhân Chính	Cầu Giấy	Trong thang máy	15	800	2	3DF;2SF	1	1	600	630	28,980	1	1	1,530,000	1,530,000	1,530,000	3,060,000
4	CC	17T1	Trung Hoà Nhân Chính	Cầu Giấy	Trong thang máy	17	800	3	5DF;3SF	1	1	680	714	32,844	1	1	1,530,000	1,530,000	1,530,000	3,060,000
5	CC	17T2	Trung Hoà Nhân Chính	Cầu Giấy	Trong thang máy	17	800	3	5DF;3SF	1	1	680	714	32,844	1	1	1,530,000	1,530,000	1,530,000	3,060,000
6	CC	17T3	Trung Hoà Nhân Chính	Cầu Giấy	Trong thang máy	17	800	3	5DF;3SF	1	1	680	714	32,844	1	1	1,530,000	1,530,000	1,530,000	3,060,000

7	CC	17T4	Trung Hoà Nhân Chính	Cầu Giấy	Trong thang máy	17	800	3	5DF;3SF	1	1	680	714	32,844	1	1	1,530,000	1,530,000	1,530,000	3,060,000
8	CC	17T5	Trung Hoà Nhân Chính	Cầu Giấy	Trong thang máy	17	800	3	5DF;3SF	1	1	680	714	32,844	1	1	1,530,000	1,530,000	1,530,000	3,060,000
9	CC	17T6	Trung Hoà Nhân Chính	Cầu Giấy	Trong thang máy	17	800	3	5DF;3SF	1	1	680	714	32,844	1	1	1,530,000	1,530,000	1,530,000	3,060,000
10	CC	17T7	Trung Hoà Nhân Chính	Cầu Giấy	Trong thang máy	17	800	3	5DF;3SF	1	1	680	714	32,844	1	1	1,530,000	1,530,000	1,530,000	3,060,000
11	CC	17T8	Trung Hoà Nhân Chính	Cầu Giấy	Trong thang máy	17	800	3	5DF;3SF	1	1	680	714	32,844	1	1	1,530,000	1,530,000	1,530,000	3,060,000
12	CC	17T9	Trung Hoà Nhân Chính	Cầu Giấy	Trong thang máy	17	800	3	5DF;3SF	1	1	680	714	32,844	1	1	1,530,000	1,530,000	1,530,000	3,060,000
13	CC	17T10	Trung Hoà Nhân Chính	Cầu Giấy	Trong thang máy	17	800	3	9SF	-	1	680	714	32,844	1	1	1,530,000		1,530,000	1,530,000
14	CC	187 Apartment Nguyễn Lương Bằng	187 Nguyễn Lương Bằng	Đống Đa	Trong thang máy	20	2,000	4	4DF	1	-	2,000	2,100	96,600	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
15	CC	18T1	Trung Hoà Nhân Chính	Cầu Giấy	Trong thang máy	18	1,000	3	5DF;3SF	1	1	900	945	43,470	1	1	1,530,000	1,530,000	1,530,000	3,060,000
16	CC	18T2	Trung Hoà Nhân Chính	Cầu Giấy	Trong thang máy	17	1,000	3	5DF;3SF	1	1	850	893	41,055	1	1	1,530,000	1,530,000	1,530,000	3,060,000
17	CC	24T1	Trung Hoà Nhân Chính	Cầu Giấy	Trong thang máy	17	1,300	3	5DF;3SF	1	1	1,105	1,160	53,372	1	1	1,530,000	1,530,000	1,530,000	3,060,000
18	CC	24T2	Trung Hoà Nhân Chính	Cầu Giấy	Trong thang máy	17	1,300	3	5DF;3SF	1	1	1,105	1,160	53,372	1	1	1,530,000	1,530,000	1,530,000	3,060,000
19	VP	Agribank Tây HN	A1 Duy Tân – Nguyễn Phong Sắc	Cầu Giấy	ko treo bank, trừ	8	550	2	4DF	1	-	880	726	33,396	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
20	VP	AMC VP Bank	362 Phố Huế	Hai Bà Trưng	Ko treo bank trừ	9	400	2	4DF	1	-	720	594	27,324	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
21	CC	Artex Apartment	172 Ngọc Khánh	Ba Đình	Trong thang máy	19	2,200	3	4DF	1	-	2,090	2,195	100,947	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
22	VP	Artex Office	172 Ngọc Khánh	Ba Đình	Trong thang máy	19	2,200	2 & 1	4DF	1	-	8,360	6,897	317,262	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
23	VP	Artexport House Building	2A, Phạm Sư Mạnh	Hoàn Kiêm	Trong thang máy	10	800	2	4DF	1	-	1,600	1,320	60,720	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
24	VP	Bảo Việt	35 Hai Bà Trưng	Hoàn Kiếm	Trong thang máy	11	7,000	2		1	-	15,400	12,705	584,430	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
25	VP	Bộ Nội Vụ	8 Tôn Thất Thuyết	Cầu Giấy	Trong thang máy	17	6,000	5	5DF	1	-	20,400	16,830	774,180	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
26	CC	Chelsea Park E1(bắc)	khu đô thị mới Yên Hòa, Trung Kính	Cầu Giấy	Trong thang máy	17	900	3	2DF	1	-	765	803	36,950	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
27	CC	Chelsea Park E2(nam)	khu đô thị mới Yên Hòa, Trung Kính	Cầu Giấy	Trong thang máy	17	900	3	2DF	1	-	765	803	36,950	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
28	CC	C'land Corbination	165 Xã Đàn	Đống Đa	Không BĐS	20	2,400	2	6SF	-	1	2,400	2,520	115,920	1	1	1,530,000	-	1,530,000	1,530,000
29	VP	Cung Tri Thức HN	Lô D25 KĐT mới Cầu Giấy, Trần Thái Tông	Cầu Giấy	2DF trong thang,	16	3,000	3	4DF	1	-	9,600	7,920	364,320	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
30	VP	Đại Phát Building	ngõ 82 Phố Duy Tân,	Cầu Giấy	Trong thang máy	10	700	2	2DF	1	-	1,400	1,155	53,130	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
31	VP	Grand Building	30-32 Hòa Mã	Hai Bà Trưng	Trong thang máy	2	1,500	1	2DF	1	-	3,375	3,071	141,278	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
32	VP	Green Park	29 Nguyễn Đình Chiểu	Hai Bà Trưng	Trong thang máy	14	750	3	6DF	1	-	2,100	1,733	79,695	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
33	VP&C0	Hà Đông Complex Block A	Số 7, Trần Phú	Hà Đông	Trong thang máy	22	5,600	6	3DF	1	-	24,640	20,328	935,088	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
34	VP&C0	Hà Đông Complex Block B	Số 7, Trần Phú	Hà Đông	Trong thang máy	22	5,600	6	2DF	1	-	12,040	10,878	500,388	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
35	VP	Hà Nội Toserco Building	273 Kim Mã	Ba Đình	Trong thang máy	8	900	2	4DF	1	-	1,935	1,748	80,420	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
36	CC	Hancis CT3_ĐN1 - Trung Văn	khu đô thị Trung Văn, Lê Văn Lương	Thanh Xuân	Trong thang máy	18	900	3	4DF	1	-	3,240	2,673	122,958	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
37	CC	Hancis CT3_ĐN2 - Trung Văn	khu đô thị Trung Văn, Lê Văn Lương	Thanh Xuân	Trong thang máy	18	900	3	4DF	1	-	810	851	39,123	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
38	CC	Hancis CT3_ĐN3 - Trung Văn	khu đô thị Trung Văn, Lê Văn Lương	Thanh Xuân	Trong thang máy	18	900	3	4DF	1	-	810	851	39,123	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
39	CC	Hapulico Complex 17T1	Số 1, Nguyễn Huy Tưởng	Thanh Xuân	Không BĐS	17	1,200	2	3DF	1	-	1,020	1,071	49,266	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
40	CC	Hapulico Complex 17T2	Số 1, Nguyễn Huy Tưởng	Thanh Xuân	Không BĐS	17	1,200	2	3DF	1	-	1,020	1,071	49,266	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
41	CC	Hapulico Complex 21T1	Số 1, Nguyễn Huy Tưởng	Thanh Xuân	Không BĐS	21	1,200	2	4DF	1	-	1,260	1,323	60,858	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
42	CC	Hapulico Complex 21T2	Số 1, Nguyễn Huy Tưởng	Thanh Xuân	Không BĐS	21	1,200	2	4DF	1	-	1,260	1,323	60,858	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
43	CC	Hapulico Complex 24T	Số 1, Nguyễn Huy Tưởng	Thanh Xuân	Không BĐS	24	1,200	3	4DF	1	-	1,440	1,512	69,552	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
44	TT Thu	Hapulico Medical Centre	Số 1, Nguyễn Huy Tưởng	Thanh Xuân	Không BĐS	5	2,000	2	4DF	1	-	500	525	24,150	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
45	CC	HCM CC249A Thuy Khuê Apartment lắp sảnh B1	249A Thuy Khuê	Tây Hồ	Trong thang máy	22	3,000	2	2DF	1	-	13,200	13,860	609,840	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000

46	VP	HCM CC249A Thụy Khuê 0 Office lắp sảnh B1	249A Thụy Khuê	Tây Hồ	Trong thang máy	22	3,000	2	2DF	1	-	3,300	3,465	159,390	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
47	VP&C(	HH2 Bắc Hà ĐN1	Lô HH2, Khu Đô Thị Phùng Khoang, đường Lê Văn	Thanh Xuân	Trong thang máy	26	3,000	4	5DF	1	-	15,600	12,870	592,020	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
48	VP&C(	HH2 Bắc Hà ĐN2	Lô HH2, Khu Đô Thị Phùng Khoang, đường Lê Văn	Thanh Xuân	Trong thang máy	26	3,000	3	3DF	1	-	7,500	6,795	312,570	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
49	VP	KS Perfect	Số 1 Thái Bình	Hà Đông	Trong thang máy	13	700	2	4DF	1	-	1,820	1,502	69,069	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
50	VP	Lake view Building	D10 Giảng Võ	Đống Đa	treo sảnh thang n	11	800	2	1DF	1	-	1,760	1,452	66,792	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
51	VP	Lucky Building	66 Trần Thái Tông	Cầu Giấy	Trong thang máy	13	500	2	4DF	1	-	1,300	1,073	49,335	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
52	VP	M3M4	91 Nguyễn Chí Thanh	Đống Đa	Trong thang máy	22	600	1	2DF	1	-	2,640	2,178	100,188	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
53	VP	M5 Tower	93 Nguyễn Chí Thanh	Đống Đa	Trong thang máy	31	2,000	4	8DF	1	-	12,400	10,230	470,580	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
54	VP	Minexport Building	28 Bà Triệu (Ngã tư Bà Triệu – Hai Bà Trưng)	Hoàn Kiếm	Trong thang máy	10	550	2	4DF	1	-	1,100	908	41,745	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
55	CC	Mỹ Đình Plaza Block A	138 Trần Bình, phường Mỹ Đình	Từ Liêm	Không BĐS	26	1,100	3	4DF	1	-	5,720	4,719	217,074	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
56	CC	Mỹ Đình Plaza Block B	138 Trần Bình, phường Mỹ Đình	Từ Liêm	Không BĐS	26	1,100	3	4DF	1	-	5,720	4,719	217,074	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
57	VP	Naforimex	19 Bà Triệu	Hoàn Kiếm	Trong thang máy	10	600	2	2DF	1	-	300	315	14,490	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
58	CC	Nam Cường Cổ Nhuế CT3-Block A (Atlas)	Khu đô thị Nam Cường, Cổ Nhuế	Bắc Từ Liêm	Không BĐS	21	900	3	2DF	1	-	945	992	45,644	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
59	CC	Nam Cường Cổ Nhuế CT3-Block B (Apolo)	Khu đô thị Nam Cường, Cổ Nhuế	Bắc Từ Liêm	Không BĐS	23	900	4	4DF	1	-	4,140	3,416	157,113	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
60	CC	Nam Cường Cổ Nhuế CT3-Block C (Atermit)	Khu đô thị Nam Cường, Cổ Nhuế	Bắc Từ Liêm	Không BĐS	21	900	3	2DF	1	-	945	992	45,644	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
61	CC	Nam Cường Cổ Nhuế CT3-Block D (Athena)	Khu đô thị Nam Cường, Cổ Nhuế	Bắc Từ Liêm	Không BĐS	21	900	3	2DF	1	-	945	992	45,644	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
62	CC	Nam Cường CT7-Block A	KĐT Nam Cường, Dương Nội	Hà Đông	Không BĐS	25	900	4	3DF	1	-	1,125	1,181	54,338	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
63	CC	Nam Cường CT7-Block B	KĐT Nam Cường, Dương Nội	Hà Đông	Không BĐS	25	900	4	3DF	1	-	1,125	1,181	54,338	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
64	CC	Nam Cường CT7-Block C	KĐT Nam Cường, Dương Nội	Hà Đông	Không BĐS	25	900	4	3DF	1	-	1,125	1,181	54,338	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
65	CC	Nam Cường CT7-Block D	KĐT Nam Cường, Dương Nội	Hà Đông	Không BĐS	25	900	4	3DF	1	-	1,125	1,181	54,338	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
66	CC	Nam Cường CT7-Block E	KĐT Nam Cường, Dương Nội	Hà Đông	Không BĐS	25	900	4	3DF	1	-	1,125	1,181	54,338	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
67	CC	Nam Cường CT7-Block F	KĐT Nam Cường, Dương Nội	Hà Đông	Không BĐS	25	900	4	3DF	1	-	1,125	1,181	54,338	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
68	CC	Nam Cường CT7-Block G	KĐT Nam Cường, Dương Nội	Hà Đông	Không BĐS	25	900	4	3DF	1	-	1,125	1,181	54,338	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
69	CC	Nam Cường CT8-Block A	KĐT Nam Cường, Dương Nội	Hà Đông	Không BĐS	25	900	4	3DF	1	-	1,125	1,181	54,338	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
70	CC	Nam Cường CT8-Block B	KĐT Nam Cường, Dương Nội	Hà Đông	Không BĐS	25	900	4	3DF	1	-	1,125	1,181	54,338	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
71	CC	Nam Cường CT8-Block C	KĐT Nam Cường, Dương Nội	Hà Đông	Không BĐS	25	900	4	3DF	1	-	1,125	1,181	54,338	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
72	CC	Nam Cường CT8-Block D	KĐT Nam Cường, Dương Nội	Hà Đông	Không BĐS	25	900	4	3DF	1	-	1,125	1,181	54,338	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
73	CC	Nam Cường HH2-Block D	KĐT Nam Cường, Dương Nội	Hà Đông	Không BĐS	25	1,000	5	5DF	1	-	1,250	1,313	60,375	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
74	CC	Nam Cường HH2-Block E	KĐT Nam Cường, Dương Nội	Hà Đông	Không BĐS	25	1,000	5	5DF	1	-	1,250	1,313	60,375	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
75	VP	Pacific builing	Số 2, Đại Cồ Việt	Hai Bà Trưng		22	500	2	4DF	1		550	578	26,565	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
76	VP	Phú Gia Residence	số 3 Nguyễn Huy Tưởng	Thanh Xuân		17	1,000	3	4DF	1	-	850	893	41,055	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
77	CC	Rainbow Apartment	Lô B CQ1 KD9T Văn Quán	Hà Đông	Không BĐS	20	2,200	3	4DF	1	-	8,800	7,260	333,960	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
78	VP	Rainbow Office	Lô B CQ1 KD9T Văn Quán	Hà Đông	Không BĐS	7	2,200	2	2DF	1	-	3,080	2,541	116,886	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
79	VP	Rose Grand Building	170 Ngọc Khánh	Ba Đình	Trong thang máy	15	800	2	4DF	1	-	600	630	28,980	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
80	CC	Sky Light CT1	Ngõ Hòa Bình 6, Minh Khai , HN	Hai Bà Trưng	Trong thang máy	24	2,300	3	3DF	1	-	11,040	9,108	418,968	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
81	CC	Sky Light CT2	Ngõ Hòa Bình 6, Minh Khai , HN	Hai Bà Trưng	Trong thang máy	24	2,300	3	3DF	1	-	11,040	9,108	418,968	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000

82	VP	Syrena Tower(Fraser Suite)	51 Xuân Diệu, Tây Hồ	Tây Hồ	không QC hàng k	20	1,200	2	4DF	1	-	1,200	1,260	57,960	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
83	VP&CC	Techcombank	181 Nguyễn Lương Bằng	Đống Đa	Ko treo bank trừ	14	1,000	2	4DF	1	-	2,500	2,265	104,190	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
84	VP	TH Building	số 1 Đỗ Hành	Hai Bà Trưng	Trong thang máy	9	1,000	1	2DF	1	-	1,800	1,485	68,310	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
85	VP&CC	188 Trường Chinh	188 Trường Chinh	Đống Đa	không QC ngân h	12	500	2	4DF	1	-	1,250	1,133	52,095	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
86	VP	Bộ kế hoạch và Đầu tư	Lô D25 đường Tôn Thất Thuyết, Khu Đô Thị Mới	Cầu Giấy	Trong thang máy	17	1,000	3	6DF	1	-	1,000	960	44,160	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
87	VP&CC	Tòa nhà JSC34_Block A	ngõ 164 Khuất Duy Tiến	Thanh Xuân	Trong thang máy	18	1,000	2	3DF	1	-	2,500	2,265	104,190	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
88	VP&CC	Tòa nhà JSC34_Block B	ngõ 164 Khuất Duy Tiến	Thanh Xuân	Trong thang máy	18	1,000	2	3DF	1	-	2,500	2,265	104,190	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
89	VP	Tòa nhà Quang Minh (Song Kim)	278 Thụy Khuê	Tây Hồ	Trong thang máy	12	800	2	4DF	1	-	1,920	1,584	72,864	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
90	CC	Tòa nhà SDU-Sông Đà Apartment	133 Trần Phú	Hà Đông	Sảnh hầm H1,H2	27	2,200	4	4DF	1	-	3,630	3,317	152,559	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
91	VP	Tòa nhà SDU-Sông Đà Office	133 Trần Phú	Hà Đông	Sảnh H1.	9	771	2	1DF	1	-	1,273	1,163	53,495	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
92	CC	Tòa nhà Thủy Lợi_ Hà Đông CC	28A Lê Trọng Tấn	Hà Đông	Trong thang máy	28	1,000	2	4DF	1	-	5,600	4,620	212,520	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
93	VP	Tòa nhà Thủy Lợi_ Hà Đông VP	28A Lê Trọng Tấn	Hà Đông	Trong thang máy	5	1,000	2	2DF	1	-	250	263	12,075	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
94	VP	Tòa soạn Báo Tiền Phong	15A Hồ Xuân Hương	Hai Bà Trưng	Trong thang máy	10	600	2	4DF	1	-	1,200	990	45,540	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
95	VP&CC	Udic	27 Huỳnh Thúc Kháng	Đống Đa	Trong thang máy	22	1,700	4	5DF	1	-	4,250	3,851	177,123	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
96	CC	Vân Nam Building Block A	26 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội	Đống Đa	Trong thang máy	10	1,000	1	2DF	1	-	2,000	1,650	75,900	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
97	CC	Vân Nam Building Block B	27 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội	Đống Đa	Trong thang máy	8	1,000	1	1DF	1	-	1,600	1,320	60,720	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
98	CC	Vân Nam Building Block C	28 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội	Đống Đa	Trong thang máy	11	1,000	1	2DF	1	-	2,150	1,943	89,355	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
99	VP	VP Viện Hàn Lâm Khoa Học Xã Hội Việt Nam	1 Liễu Giai	Ba Đình	Trong thang máy	15	3,000	4	6DF	1	-	2,250	2,363	108,675	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
100	VP&CC	Vapa Building	Lô D25, Tôn Thất Thuyết	Cầu Giấy	Trong thang máy	10	800	2	2DF	1	-	2,000	1,812	83,352	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
101	VP	VG Buiding	235 Nguyễn Trãi	Thanh Xuân	Trong thang máy	11	700	2	2DF	1	-	385	404	18,596	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
102	VP	Việt Hải Building (lắp ngoài sảnh hầm B1)	Lô C2, Duy Tân, p. Dịch Vọng Hậu	Cầu Giấy	Trong thang máy	10	900	2	1DF	1	-	1,800	1,485	68,310	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
103	VP	Vietin bank Đội Cấn	126 Đội Cấn	Ba Đình	Ko treo bank trừ	13	400	2	2DF	1	-	380	345	15,870	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
104	VP	Viettinbank Hoàn kiếm	25 Lý Thường Kiệt	Hoàn Kiếm	Không BĐS co k	9	500	1	1DF	1	-	900	743	34,155	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
105	VP	Viện Hàn Lâm Khoa Học và Công Nghệ Việt Nam	18 Hoàng Quốc Việt	Cầu Giấy	Trong thang máy	10	800	2	2DF	1	-	1,600	1,320	60,720	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
106	VP&CC	Viglacera Complex Building	671 Hoàng Hoa Thám	Ba Đình	Không BĐS	22	1,500	6	6DF	1	-	3,750	3,398	156,285	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
107	VP	VN Direct	1 Nguyễn Thượng Hiền	Hoàn Kiếm	Trong thang máy	10	1,000	2	2DF	1	-	2,000	1,650	75,900	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
108	VP	VQS Building	21 Hàn Thuyên	Hai Bà Trưng	Trong thang máy	10	400	1	2DF	1	-	800	660	30,360	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
109	CC	Xuân Thủy Landmark Apartment A	173Xuân Thủy	Cầu Giấy	Không BĐS	27	1,500	4	3DF	1	-	3,225	2,914	134,033	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
110	CC	Xuân Thủy Landmark Apartment B	173 Xuân Thủy	Cầu Giấy	Không BĐS	27	1,500	4	3DF	1	-	8,100	6,683	307,395	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
111	VP	Tạp chí Cộng Sản	28 Trần Bình Trọng	Hai Bà Trưng	Trong thang máy	8	800	2	4DF	1	-	1,280	1,056	48,576	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
112	CC	Hoa Đăng	290 Nguyễn Trãi,	Thanh Xuân	Trong thang máy	8	300	2	2DF	1	-	120	126	5,796	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
113	CC	Vĩnh Long	338 Phố Huế	Hai Bà Trưng	Trong thang máy	9	300	1	2DF	1	-	135	142	6,521	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
114	CC	CT14A1	Khu đô thị Nam Thăng Long	Tây Hồ	Trong thang máy	17	1,500	4	4DF	1	-	1,275	1,339	61,583	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
115	CC	Chung cư VOV_CT2_DNA	Lương Thế Vinh kéo dài, Mễ trì	Từ Liêm	Trong thang máy	15	800	2	4DF	1	-	600	630	28,980	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
116	CC	Chung cư VOV CT2_DNB	Lương Thế Vinh kéo dài, Mễ trì	Từ Liêm	Trong thang máy	20	800	2	4DF	1	-	800	840	38,640	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
117	CC	Chung cư VOV CT2_C1	Lương Thế Vinh kéo dài, Mễ trì	Từ Liêm	Trong thang máy	20	800	2	4DF	1	-	800	840	38,640	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
118	CC	Chung cư VOV CT2_C2	Lương Thế Vinh kéo dài, Mễ trì	Từ Liêm	Trong thang máy	20	800	2	4DF	1	-	800	840	38,640	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
119	CC	Chung cư VOV CT2_D1	Lương Thế Vinh kéo dài, Mễ trì	Từ Liêm	Trong thang máy	20	800	2	4DF	1	-	800	840	38,640	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
120	CC	Chung cư VOV CT2_D2	Lương Thế Vinh kéo dài, Mễ trì	Từ Liêm	Trong thang máy	20	800	2	4DF	1	-	800	840	38,640	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000

121	CC	Chung cư CTM Complex	139 Cầu Giấy	Cầu Giấy	Không BĐS	15	700	2	2DF	1	-	525	551	25,358	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
122	CC	Rainbow Bắc Linh Đàm khu X2	Khu đô thị Bắc Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	23	3,800	5	4DF	1	-	4,370	4,589	211,071	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
123	VP	Vietfracht building	73 Lò Đúc	Hai Bà Trưng	Trong thang máy	10	450	2	4DF	1	-	225	236	10,868	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
124	CC	Chung cư 17T1	KĐT Trung Văn, Lê Văn Lương	Nam Từ Liêm	Trong thang máy	18	1,000	4	3DF	1	-	900	945	43,470	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
125	CC	Chung cư 17T2	KĐT Trung Văn, Lê Văn Lương	Nam Từ Liêm	Trong thang máy	18	1,000	4	3DF	1	-	900	945	43,470	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
126	CC	Chung cư Newtaco Block A	462 Vĩnh Phúc	Ba Đình	2DF trong 1 than	9	500	2	2DF	1	-	900	743	34,155	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
127	CC	Chung cư Newtaco Block B	462 Vĩnh Phúc	Ba Đình	2DF trong 1 than	9	500	2	2DF	1	-	225	236	8,640	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
128	CC	Newtaco Building	21 Láng Hạ	Ba Đình	Trong thang máy	11	300	1	2DF	1	-	165	173	6,336	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
129	VP	Nam Hải Lake View	Lô 01-9A-Khu Đô Thị Vĩnh Hoàng	Hoàng Mai	Trong thang máy	11	700	2	2DF	1		385	404	14,784	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
130	VP	Viện Sinh Thái Block A	18 Hoàng Quốc Việt	Cầu Giấy	Trong thang máy	9	600	1	2DF	1		270	284	10,368	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
131	VP	Viện Sinh Thái Block B	18 Hoàng Quốc Việt	Cầu Giấy	Trong thang máy	9	600	1	2DF	1		270	284	10,368	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
132	VP	Viên Địa Lý Tòa nhà A27	18 Hoàng Quốc Việt	Cầu Giấy	Trong thang máy	8	900	1	2DF	1		1,440	1,188	54,648	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
133	VP	Viên Vật Lý Tòa nhà 2H	18 Hoàng Quốc Việt	Cầu Giấy	Trong thang máy	8	900	2	4DF	1		1,440	1,188	54,648	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
134	CC	MD Completex Tower Block B	Khu Đô thị Mỹ Đình I	Nam Từ Liêm	Trong thang máy	26	1000	4	3DF	1		1,300	1,365	62,790	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
135	VP	Bảo Tài Nguyên và Môi Trường	Lô E2 Đường Dương Đình Nghệ, Yên Hòa	Cầu Giấy	Trong thang máy	9	1500	2	2DF	1		2,700	2,228	102,465	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
136	VP	VMT Building	Ngõ 82, Duy Tân	Cầu Giấy	Trong thang máy	9	850	2	4DF	1		1,530	1,262	58,064	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
137	CC	CC 8C Tạ Quang Bửu	Tạ Quang Bửu	Hai Bà Trưng	Trong thang máy	16	1000	2	4DF	1		800	840	38,640	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
138	CC	Hera CT1 Cổ Nhuế	KĐT Nam Cường,Cổ Nhuế	Bắc Từ Liêm	Trong thang máy	13	1000	3	4DF	1		650	683	31,395	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
139	VP	Viện vật liệu xây dựng	235 Nguyễn Trãi	Thanh Xuân	Trong thang máy	7	800	2	4DF	1		1,120	924	42,504	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
140	VP	The Sixty Eight Building	68 Nguyễn Du	Hai Bà Trưng	Trong thang máy	8	500	1	2DF	1		800	660	30,360	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
141	VP	Coalimex	33 Tràng Thi	Hoàn Kiếm	Trong thang máy	9	600	1	2DF	1		1,080	891	40,986	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
142	VP	TT Hội Nghị Công Đoàn	1A Yết Kiêu	Hoàn Kiếm	Trong thang máy	8	1000	1	2DF	1		1,600	1,320	60,720	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
143	VP	Tổng Cục Đường Bộ Việt Nam	Ô D20 Tôn Thất Thuyết Khu ĐTM CG	Cầu Giấy	Trong thang máy	14	800	1	2DF	1		2,240	1,848	85,008	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
144	VP/CC	Star Tower	KĐM Cầu Giấy	Cầu Giấy	Trong thang máy	25	1700	1	2DF	1		4,250	3,851	177,123	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
145	VP/CC	Sakura	47 Vũ Trọng Phụng	Thanh Xuân	Trong thang máy	18	1000	1	2DF	1		2,500	2,265	104,190	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
146	VP/CC	Keangnam Parking	E6 Phạm Hùng	Từ Liêm	không BĐS	4	1000	1	1DF	1		2,500	2,265	104,190	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
147	VP	Viễn Đông Building	36 Hoang Cau	Đống Đa	không BĐS	10	1000	1	2DF	1		2,000	1,650	75,900	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
148	VP	Vườn Xuân Block A	71 Nguyễn Chí Thanh	Đống Đa	thang đi 4 tầng V	4	800	1	2DF	1		640	528	24,288	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
149	VP/CC	Vườn Xuân Block B	72 Nguyễn Chí Thanh	Đống Đa	Trong thang máy	26	1000	3	6DF	1		2,500	2,265	104,190	1	1	1,530,000	1,012,500	-	1,012,500
150	VP	CT36 Tower	326 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội	Thanh Xuân	Trong thang máy	14	2600	3	4DF	1		7,280	6,006	276,276	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
151	CC	172 Trần Bình	172 Trần Bình, Mỹ Đình	Nam Từ Liêm	Trong thang máy	9	1000	2	2DF	1		450	473	21,735	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
152	VP	Kho Bạc Nhà Nước Ba Đình	Số 8-Kim mã Thượng, Ba Đình	Ba Đình	Trong thang máy	10	900	2	2DF	1		1,800	1,485	68,310	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
153	CC	Ecohome 1 - E1A	Tân Xuân, Đông Ngạc	Bắc Từ Liêm	Trong thang máy	13	1200	2	4DF	1		780	819	37,674	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
154	CC	Ecohome 1 - E1B	Tân Xuân, Đông Ngạc	Bắc Từ Liêm	Trong thang máy	13	1200	2	4DF	1		780	819	37,674	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
155	CC	Ecohome 1 - E2	Tân Xuân, Đông Ngạc	Bắc Từ Liêm	Trong thang máy	13	1500	3	3DF	1		975	1,024	47,093	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
156	CC	Ecohome 1 - E3A	Tân Xuân, Đông Ngạc	Bắc Từ Liêm	Trong thang máy	13	1200	2	4DF	1		780	819	37,674	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
157	CC	Ecohome 1- E3B	Tân Xuân, Đông Ngạc	Bắc Từ Liêm	Trong thang máy	13	1200	2	4DF	1		780	819	37,674	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
158	CC	Ecohome 1 - E4	Tân Xuân, Đông Ngạc	Bắc Từ Liêm	Trong thang máy	13	1500	3	3DF	1		975	1,024	47,093	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
159	CC	Ecohome 2 - C1A	Tân Xuân, Đông Ngạc	Bắc Từ Liêm	Trong 3 thang m	16	2000	4	3DF	1		1,600	1,680	77,280	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000

160	CC	Ecohome 2 - C1B	Tân Xuân, Đông Ngạc	Bắc Từ Liêm	Trong 3 thang m	16	2000	4	3DF	1		1,600	1,680	77,280	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
161	CC	Ecohome 2 - C2A	Tân Xuân, Đông Ngạc	Bắc Từ Liêm	Trong 3 thang m	16	2000	4	3DF	1		1,600	1,680	77,280	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
162	CC	Ecohome 2 - C2B	Tân Xuân, Đông Ngạc	Bắc Từ Liêm	Trong 3 thang m	16	2000	4	3DF	1		1,600	1,680	77,280	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
163	CC	Rice City Nam – Linh Đàm	Rice City Nam – Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	21	2000	3	6DF	1		2,100	2,205	101,430	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
164	CC	Chung cư 137 Nguyễn Ngọc Vũ	137 Nguyễn Ngọc Vũ	Cầu Giấy	Trong 2 thang m	20	2500	3	4DF	1		2,500	2,625	120,750	1	1	1,530,000	1,530,000	-	1,530,000
LOẠI 3															**164**					
1	VP&C(	A_D Buidling	B70B9 Ngõ 72, Trần Thái Tông	Cầu Giấy	Trong thang máy	8	280	1	2DF	1	-	196	181	8,308	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
2	VP	Agribank Từ Liêm	10 Nguyễn Cơ Thạch, Mỹ Đình	Từ Liêm	ko treo bank trừ	8	500	2	2DF	1	-	800	660	30,360	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
3	VP&C(	Biển Bắc	1072 Đê La Thành	Đống Đa	Trong thang máy	14	800	2	4SF	-	1	1,040	948	43,608	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
4	CC	B 10C Nam Trung Yên	Khu ĐTM Nam Trung Yên, phường Yên Hòa	Cầu Giấy	Trong thang máy	17	1,000	2	4SF	-	1	850	893	41,055	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
5	VP	B&B building	Số 60, Ngõ 850, Đường Láng, Láng Hạ	Đống Đa	Không BĐS	7	450	1	2DF	1	-	630	520	23,909	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
6	CC	Bắc Linh Đàm CT2	Bắc Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	10	700	2	4SF	-	1	350	368	16,905	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
7	CC	Bắc Linh Đàm CT3	Bắc Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	10	700	2	4SF	-	1	350	368	16,905	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
8	CC	Bắc Linh Đàm CT4A1	Bắc Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	10	700	2	4SF	-	1	350	368	16,905	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
9	CC	Bắc Linh Đàm CT4A2	Bắc Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	10	700	2	4SF	-	1	350	368	16,905	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
10	CC	Bắc Linh Đàm CT3A - Khu X2	Bắc Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	11	800	2	4SF	-	1	440	462	21,252	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
11	CC	Bắc Linh Đàm CT3B - Khu X2	Bắc Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	11	800	2	4SF	-	1	440	462	21,252	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
12	CC	Bắc Linh Đàm CT3C - Khu X2	Bắc Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	11	800	2	4SF	-	1	440	462	21,252	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
13	CC	Bắc Linh Đàm CT4A- Khu X2	Bắc Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	11	800	2	4SF	-	1	440	462	21,252	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
14	CC	Bắc Linh Đàm CT4B	Bắc Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	10	700	2	6SF	-	1	350	368	16,905	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
15	CC	Bắc Linh Đàm CT4B - Khu X2	Bắc Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	10	700	2	4SF	-	1	350	368	16,905	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
16	CC	Bắc Linh Đàm CT4C - Khu X2	Bắc Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	11	800	2	4SF	-	1	440	462	21,252	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
17	CC	Bắc Linh Đàm CT5 - Khu X2	Bắc Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	11	800	2	4SF	-	1	440	462	21,252	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
18	CC	Bắc Linh Đàm OCT1-ĐN1, Khu X1	Bắc Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	10	800	2	4SF	-	1	400	420	19,320	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
19	CC	Bắc Linh Đàm OCT2-ĐN1, Khu X1	Bắc Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	10	800	2	4SF	-	1	400	420	19,320	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
20	CC	Bắc Linh Đàm OCT2-ĐN2, Khu X1	Bắc Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	10	800	2	4SF	-	1	400	420	19,320	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
21	CC	Bắc Linh Đàm OCT2-ĐN3, Khu X1	Bắc Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	10	800	2	4SF	-	1	400	420	19,320	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
22	CC	CC 262 Nguyễn Huy Tưởng - Block A	262 Nguyễn Huy Tưởng	Thanh Xuân	Trong thang máy	15	700	2	1DF	1	-	525	551	25,358	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
23	CC	CC 262 Nguyễn Huy Tưởng - Block B	262 Nguyễn Huy Tưởng	Thanh Xuân	Trong thang máy	15	700	2	2DF	1	-	525	551	25,358	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
24	VP&C(	CDS Building	61/33 Lạc Trung	Hai Bà Trưng	Trong thang máy	8	400	1	2DF	1	-	280	258	11,868	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
25	VP	Cement Building (công ty xi măng)	228 Lê Duẩn	Đống Đa	Trong thang máy	8	800	2	4SF	-	1	1,280	1,056	48,576	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
26	CC	Chung cư 15 T1	310 Minh Khai	Hoàng Mai	Trong thang máy	16	900	3	6DF	1	-	720	756	34,776	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
27	CC	Chung cư 15T2	310 Minh Khai	Hoàng Mai	Trong thang máy	15	900	3	6DF	1	-	675	709	32,603	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
28	CC	Chung Cư 195 Đội Cấn	195 Đội Cấn	Ba Đình	Trong thang máy	14	800	2	4SF	-	1	560	588	27,048	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
29	CC	Chung cư A2 Hạ Đình	54 Hạ Đình	Thanh Xuân	Trong thang máy	15	1,500	2	4DF	1	-	1,125	1,181	54,338	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
30	CC	Chung cư Hoàng Sâm	151 Hoàng Sâm	Cầu Giấy	Trong thang máy	10	1,200	2	6SF	-	1	600	630	28,980	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
31	CC	Chung cư No4B2	Dịch Vọng	Cầu Giấy	Trong thang máy	14	700	2	6SF	-	1	490	515	23,667	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
32	CC	CT2A Euro Window	Đô thị mới Nghĩa Đô	Cầu Giấy	Không BĐS	19	1,800	4	4DF	1	-	1,710	1,796	82,593	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
33	CC	CT3A - ĐN1 Mễ Trì Thượng	số 10, Đại Lộ Thăng Long, Mễ Trì Thương	Từ Liêm	Trong thang máy	10	700	2	2DF	1	-	350	368	16,905	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500

34	CC	CT3A - ĐN2 Mễ Trì Thượng	số 10, Đại Lộ Thăng Long, Mễ Trì Thượng	Từ Liêm	Trong thang máy	18	800	2	2DF	1	-	720	756	34,776	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
35	CC	CT3A - ĐN3 Mễ Trì Thượng	số 10, Đại Lộ Thăng Long, Mễ Trì Thượng	Từ Liêm	Trong thang máy	10	700	2	2DF	1	-	350	368	16,905	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
36	CC	CT3B Cụm thang A Mễ Trì Thượng	số 10, Đại Lộ Thăng Long, Mễ Trì Thượng	Từ Liêm	Trong thang máy	10	450	2	2DF	1	-	225	236	10,868	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
37	CC	CT3B Cụm thang B Mễ Trì Thượng	số 10, Đại Lộ Thăng Long, Mễ Trì Thượng	Từ Liêm	Trong thang máy	10	450	2	2DF	1	-	225	236	10,868	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
38	VP	Đắc Phú Buiding	559 Kim Mã	Ba Đình	Trong thang máy	9	200	1	3SF	-	1	360	297	13,662	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
39	CC	Định Công CT5-DN1	Định Công	Hoàng Mai	Trong thang máy	9	1,000	1	2DF	1		450	473	21,735	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
40	CC	Định Công CT5-DN2	Định Công	Hoàng Mai	Trong thang máy	12	900	2	4DF	1		540	567	26,082	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
41	CC	Định Công CT6-DN1	Định Công	Hoàng Mai	Trong thang máy	12	1,000	1	2SF	-	1	600	630	28,980	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
42	CC	Định Công CT6-DN2	Định Công	Hoàng Mai	Trong thang máy	12	900	2	4SF	-	1	540	567	26,082	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
43	CC	Định Công CT2 - DN1	Định Công	Hoàng Mai	Trong thang máy	14	800	2	4SF	-	1	560	588	27,048	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
44	CC	Định Công CT2 - DN2	Định Công	Hoàng Mai	Trong thang máy	14	800	2	4SF	-	1	560	588	27,048	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
45	VP	Đông Dương	số 10 ngõ 52 Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	8	320	1	2DF	1	-	128	134	6,182	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
46	VP&C0	Hacisco	107 Nguyễn Chí Thanh	Đống Đa	Trong thang máy	15	1,000	2	4SF	-	1	3,000	3,150	144,900	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
47	VP	Hải Hà building	45 Triệu Việt Vương	Hoàn Kiếm	Trong thang máy	9	350	2	3DF	1		788	732	33,233	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
48	CC	Hancis CT1	KĐT Trung Văn, Lê Văn Lương	Thanh Xuân	Trong thang máy	12	700	2	2DF	1	-	1,680	1,386	63,756	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
49	CC	Hancis CT4 _ĐNA	KĐT Trung Văn, Lê Văn Lương	Thanh Xuân	Trong thang máy	9	500	2	2DF	1	-	225	236	10,868	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
50	CC	Hancis CT4 _ĐNB	KĐT Trung Văn, Lê Văn Lương	Thanh Xuân	Trong thang máy	9	500	2	2DF	1	-	225	236	10,868	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
51	CC	Hancis CT4 _ĐNC	KĐT Trung Văn, Lê Văn Lương	Thanh Xuân	Trong thang máy	9	500	2	2DF	1	-	225	236	10,868	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
52	CC	Hancis CT4 _ĐND	KĐT Trung Văn, Lê Văn Lương	Thanh Xuân	Trong thang máy	9	500	2	2DF	1	-	225	236	10,868	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
53	VP	HD Building	57 Trần Quốc Toản	Hoàn Kiếm	Trong thang máy	10	175	2	4SF	-	1	88	92	4,226	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
54	VP	Hipt Building	152 Thụy Khuê	Tây Hồ	Trong thang máy	6	900	1	2DF	1	-	1,080	891	40,986	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
55	VP	Irrigation Building	Ngõ 95/2, Chùa Bộc	Đống Đa	Trong thang máy	8	800	2	2DF	1	-	1,280	1,056	48,576	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
56	VP&C0	KS1 Trung Yên	Khu ĐTM Nam Trung Yên, phường Yên Hòa	Cầu Giấy	Trong thang máy	19	1,200	4	2DF	1	-	4,560	3,762	173,052	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
57	CC	Làng Quốc Tế Thăng Long B5	Trần Đăng Ninh	Cầu Giấy	Trong thang máy	10	800	2	4DF	1		1,480	1,338	61,548	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
58	CC	Mỹ Đình II - CT1A - ĐN1	Mỹ Đình II Từ Liêm	Từ Liêm	Trong thang máy	14	1,000	2	4SF	-	1	700	735	33,810	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
59	CC	Mỹ Đình II - CT1A - ĐN2	Mỹ Đình II Từ Liêm	Từ Liêm	Trong thang máy	14	1,000	2	4SF	-	1	700	735	33,810	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
60	CC	Mỹ Đình II CT2A	Mỹ Đình II Từ Liêm	Từ Liêm	Trong thang máy	12	1,000	2	4SF	-	1	600	630	28,980	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
61	CC	Mỹ Đình II CT2B	Mỹ Đình II Từ Liêm	Từ Liêm	Trong thang máy	12	1,000	2	4SF	-	1	600	630	28,980	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
62	CC	Mỹ Đình II CT3A	Mỹ Đình II Từ Liêm	Từ Liêm	Trong thang máy	12	1,000	2	4SF	-	1	600	630	28,980	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
63	CC	Mỹ Đình II CT3B	Mỹ Đình II Từ Liêm	Từ Liêm	Trong thang máy	12	1,000	2	4SF	-	1	600	630	28,980	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
64	CC	Mỹ Đình II CT4	Mỹ Đình II Từ Liêm	Từ Liêm	Trong thang máy	12	1,000	2	4SF	-	1	600	630	28,980	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
65	CC	Mỹ Đình II CT5 - ĐN1	Mỹ Đình II Từ Liêm	Từ Liêm	Trong thang máy	14	1,000	2	4SF	-	1	700	735	33,810	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
66	CC	Mỹ Đình II CT5 - ĐN2	Mỹ Đình II Từ Liêm	Từ Liêm	Trong thang máy	14	1,000	2	4SF	-	1	700	735	33,810	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
67	CC	Mỹ Đình II CT5 - ĐN3	Mỹ Đình II Từ Liêm	Từ Liêm	Trong thang máy	14	1,000	2	4SF	-	1	700	735	33,810	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
68	CC	Mỹ Đình II CT5 - ĐN4	Mỹ Đình II Từ Liêm	Từ Liêm	Trong thang máy	14	1,000	2	4SF	-	1	700	735	33,810	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
69	CC	N01 Dịch Vọng	Trần Đăng Ninh, Dịch Vọng, Cầu Giấy, HN	Cầu Giấy	Trong thang máy	15	1,000	2	4DF	1	-	750	788	36,225	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
70	CC	N05 Dịch Vọng	Trần Đăng Ninh, Dịch Vọng, Cầu Giấy, HN	Cầu Giấy	Trong thang máy	15	1,000	2	4DF	1	-	750	788	36,225	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
71	CC	NO10	Bán đảo Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	14	1,000	2	4SF	-	1	700	735	33,810	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
72	CC	NO1A	Bán đảo Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	14	800	2	4SF	-	1	560	588	27,048	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500

73	CC	NO1B	Bán đảo Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	14	800	2	4SF	-	1	560	588	27,048	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
74	CC	NO2 - DN1	Bán đảo Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong 2 thang m	17	800	4	4DF	1	-	680	714	32,844	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
75	CC	NO2 - DN2	Bán đảo Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong 2 thang m	17	800	4	4DF	1	-	680	714	32,844	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
76	CC	NO3	Bán đảo Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong 2 thang m	12	800	2	4DF	1	-	480	504	23,184	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
77	CC	NO4A	Bán đảo Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	12	800	2	4DF	1	-	480	504	23,184	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
78	CC	NO4B	Bán đảo Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	12	800	2	4DF	1	-	480	504	23,184	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
79	CC	NO5	Bán đảo Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	12	800	2	4SF	-	1	480	504	23,184	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
80	CC	NO6A	Bán đảo Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong 2 thang m	12	800	2	4DF	1	-	480	504	23,184	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
81	CC	NO6B	Bán đảo Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	12	800	2	4SF	-	1	480	504	23,184	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
82	CC	NO7A	Bán đảo Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	12	800	2	4SF	-	1	480	504	23,184	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
83	CC	NO7B	Bán đảo Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	12	800	2	4SF	-	1	480	504	23,184	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
84	CC	NO8	Bán đảo Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	12	800	2	4SF	-	1	480	504	23,184	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
85	CC	NO9A	Bán đảo Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	14	1,000	2	4SF	-	1	700	735	33,810	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
86	CC	NO9B	Bán đảo Linh Đàm	Hoàng Mai	Trong thang máy	14	1,000	2	4SF	-	1	700	735	33,810	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
87	VP&C(	Philosophy Building	59 Láng Hạ	Đống Đa	Trong thang máy	7	1,700	1	1DF	1	-	850	816	37,536	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
88	VP&C(	SDC building	81 – 83 Lò Đúc	Hai Bà Trưng	Trong thang máy	9	350	1	2DF	1	-	263	244	11,230	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
89	VP	Seaprodex	20 Láng Hạ	Ba Đình	Trong thang máy	8	500	2	2DF	1	-	800	660	30,360	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
90	VP	Sico tower	Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	17	900	2	4DF	1	-	3,060	2,525	116,127	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
91	VP	Smart Building	42/27 Đại Cồ Việt	Hai Bà Trưng	Trong thang máy	10	300	1	1DF	1	-	600	495	22,770	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
92	VP	Số 10 Hoa Lư	Số 10 Hoa Lư	Hoàn Kiếm	Trong thang máy	17	700	2	4SF	-	1	2,380	1,964	90,321	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
93	CC	Sông Đà 9 - Mỹ Đình	Mỹ Đình	Từ Liêm	Trong thang máy	10	600	2	2DF	1	-	300	315	14,490	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
94	VP	Spring buiding	76 Mai Hắc Đế	Hoàn Kiếm	Trong thang máy	10	250	1	1DF	1	-	500	413	18,975	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
95	VP	Talico Building	22 Hồ Giám	Đống Đa	Trong thang máy	9	280	2	2DF	1	-	504	416	19,127	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
96	VP	Tân Thái Bình Dương	73 Lý Nam Đế	Hoàn Kiếm	Trong thang máy	8	700	1	2SF	-	1	1,120	924	42,504	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
97	VP	Telcom	Lô 18 Định Công	Hoàng Mai	Trong thang máy	9	600	2	2DF	1	-	1,080	891	40,986	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
98	CC	Tòa nhà 130 Đốc Ngữ_ DN1	130 Đốc Ngữ	Ba Đình	Trong thang máy	15	1,200	4	1DF	1	-	900	945	43,470	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
99	CC	Tòa nhà 130 Đốc Ngữ_ DN2	131 Đốc Ngữ	Ba Đình	Trong thang máy	15	1,200	4	1DF	1	-	900	945	43,470	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
100	VP	Toà nhà 133 Thái Hà	133 Thái Hà	Đống Đa	Trong thang máy	7	1,000	2	4DF	1		1,400	1,155	53,130	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
101	VP	Tòa nhà 27 Hàng Bài (Southem Bank)	27 Hàng Bài	Hoàn Kiếm	Trong thang máy	8	500	1	2DF	1	-	800	660	30,360	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
102	VP	Tòa nhà 32 Nguyễn Thái Học	32 Nguyễn Thái Học	Ba Đình	Trong thang máy	8	400	2	4SF	-	1	640	528	24,288	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
103	VP	Tòa nhà Bảo Tàng HCM	381 Đội Cấn, Liễu Giai	Ba Đình	Trong thang máy	6	600	3	2DF	1	-	720	594	27,324	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
104	VP	Tòa nhà VIB	12 Hoàng Cầu	Đống Đa	ko treo bank trừ	7	300	1	1DF	1	-	420	347	15,939	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
105	VP	Văn phòng Kailash	Lô B21 số 72 Trần Thái Tông	Cầu Giấy	Trong thang máy	9	150	1	2DF	1	-	270	223	10,247	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
106	VP	Việt Hàn Building	9 Ngô Thị Nhậm	Hai Bà Trưng	Trong thang máy	7	300	1	2SF	-	1	420	347	15,939	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
107	VP	Viettinbank building	187 Nguyễn Lương Bằng	Đống Đa	Ko BĐS co logo	5	1,000	1	1DF	1	-	1,000	825	37,950	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
108	VP	VOV Building	41, 43 Bà Triệu	Hoàn Kiếm	Trong thang máy	10	1,000	3	6SF	-	1	2,000	1,650	75,900	1	1	1,012,500	-	1,012,500	1,012,500
109	VP&C(	VTC	CC Hỗn hợp, 46/230 Lạc Trung	Hai Bà Trưng	Trong thang máy	12	1,000	2	3DF	1	-	2,400	1,980	91,080	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
110	CC	Vũ Phạm Hàm-G3C	Vũ Phạm Hàm	Cầu Giấy	Trong thang máy	12	600	2	3DF	1	-	720	648	29,808	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
111	CC	Vũ Phạm Hàm-G3D	Vũ Phạm Hàm	Cầu Giấy	Trong thang máy	12	600	2	3DF	1	-	360	378	17,388	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500

112	CC	Sudico CT1 - D1	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	27	1,200	3	6DF,3SF	1	1	1,620	1,701	78,246	1	1	1,012,500	1,012,500	1,012,500	2,025,000
113	CC	Sudico CT1_ T1	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,200	1	1DF, 1SF	1	1	660	693	31,878	1	1	1,012,500	1,012,500	1,012,500	2,025,000
114	CC	Sudico CT1_T2	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,200	2	1DF, 1SF	1	1	660	693	31,878	1	1	1,012,500	1,012,500	1,012,500	2,025,000
115	CC	Sudico CT1_T3	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,200	1	2DF, 2SF	1	1	660	693	31,878	1	1	1,012,500	1,012,500	1,012,500	2,025,000
116	CC	Sudico CT1_T4	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,200	1	1DF, 1SF	1	1	660	693	31,878	1	1	1,012,500	1,012,500	1,012,500	2,025,000
117	CC	Sudico CT1_T5	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,200	1	1DF, 1SF	1	1	660	693	31,878	1	1	1,012,500	1,012,500	1,012,500	2,025,000
118	CC	Sudico CT1_T6	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,200	2	1DF, 1SF	1	1	660	693	31,878	1	1	1,012,500	1,012,500	1,012,500	2,025,000
119	CC	Sudico CT1_T7	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,200	2	2DF, 2SF	1	1	660	693	31,878	1	1	1,012,500	1,012,500	1,012,500	2,025,000
120	CC	Sudico CT6_D1	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	1	1DF, 3SF	1	1	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	1,012,500	2,025,000
121	CC	Sudico CT6_D2	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	1	1DF. 2SF	1	1	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	1,012,500	2,025,000
122	CC	Sudico CT6_D3	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	1	1DF. 2SF	1	1	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	1,012,500	2,025,000
123	CC	Sudico CT6_D4	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	2DF. 1SF	1	1	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	1,012,500	2,025,000
124	CC	Sudico CT9_D1	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	2DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
125	CC	Sudico CT9_D2	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	1	1DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
126	CC	Sudico CT9_D3	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	1	1DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
127	CC	Sudico CT9_D4	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	2DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
128	CC	Sudico CT5_T1 (Mỹ Đình, Từ Liêm, HN)	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	1DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
129	CC	Sudico CT5_T2 (Mỹ Đình, Từ Liêm, HN)	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	1DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
130	CC	Sudico CT5_T3 (Mỹ Đình, Từ Liêm, HN)	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	1DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
131	CC	Sudico CT5_T4 (Mỹ Đình, Từ Liêm, HN)	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	1DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
132	CC	Sudico CT5_T5 (Mỹ Đình, Từ Liêm, HN)	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	1DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
133	CC	Sudico CT5_T6 (Mỹ Đình, Từ Liêm, HN)	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	1DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
134	CC	Sudico CT5_T7 (Mỹ Đình, Từ Liêm, HN)	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	1DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
135	CC	Sudico CT5_T8 (Mỹ Đình, Từ Liêm, HN)	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	1DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
136	CC	Sudico CT5_T9 (Mỹ Đình, Từ Liêm, HN)	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	1DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
137	CC	Sudico CT5_T10 (Mỹ Đình, Từ Liêm, HN)	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	1DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
138	CC	Sudico CT5_T11 (Mỹ Đình, Từ Liêm, HN)	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	1DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
139	CC	Sudico CT5_T12 (Mỹ Đình, Từ Liêm, HN)	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	1DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
140	CC	Sudico CT4_T1 (Mỹ Đình, Từ Liêm, HN)	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	1DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
141	CC	Sudico CT4_T2 (Mỹ Đình, Từ Liêm, HN)	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	1DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
142	CC	Sudico CT4_T3 (Mỹ Đình, Từ Liêm, HN)	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	1DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
143	CC	Sudico CT4_T4 (Mỹ Đình, Từ Liêm, HN)	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	1DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
144	CC	Sudico CT4_T5 (Mỹ Đình, Từ Liêm, HN)	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	2DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
145	CC	Sudico CT4_T6 (Mỹ Đình, Từ Liêm, HN)	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	1DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
146	CC	Sudico CT4_T7 (Mỹ Đình, Từ Liêm, HN)	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	1DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
147	CC	Sudico CT4_T8 (Mỹ Đình, Từ Liêm, HN)	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	1DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
148	CC	Sudico CT4_T9 (Mỹ Đình, Từ Liêm, HN)	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	1DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
149	CC	Sudico CT4_T10 (Mỹ Đình, Từ Liêm, HN)	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	2DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
150	CC	Sudico CT4_T11 (Mỹ Đình, Từ Liêm, HN)	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	1DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500

151	CC	Sudico CT4_T12 (Mỹ Đình, Từ Liêm, HN)	Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	1DF	1	-	550	578	26,565	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
152	CC	Ecopark E1	Khu đô thị Ecopark,Văn Giang	Hưng Yên	Không BĐS	18	900	2	4DF	1	-	810	851	39,123	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
153	CC	Ecopark E2	Khu đô thị Ecopark,Văn Giang	Hưng Yên	Không BĐS	18	900	2	4DF	1	-	810	851	39,123	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
154	CC	Ecopark D1	Khu đô thị Ecopark,Văn Giang	Hưng Yên	Không BĐS	21	900	2	4DF	1	-	945	992	45,644	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
155	CC	Ecopark D2	Khu đô thị Ecopark,Văn Giang	Hưng Yên	Không BĐS	21	900	2	4DF	1	-	945	992	45,644	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
156	CC	Ecopark D3	Khu đô thị Ecopark,Văn Giang	Hưng Yên	Không BĐS	21	900	2	4DF	1	-	945	992	45,644	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
157	CC	Ecopark C1	Khu đô thị Ecopark,Văn Giang	Hưng Yên	Không BĐS	24	900	2	4DF	1	-	1,080	1,134	52,164	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
158	CC	Ecopark C2	Khu đô thị Ecopark,Văn Giang	Hưng Yên	Không BĐS	24	900	2	4DF	1	-	1,080	1,134	52,164	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
159	CC	Ecopark C3	Khu đô thị Ecopark,Văn Giang	Hưng Yên	Không BĐS	24	900	2	4DF	1	-	1,080	1,134	52,164	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
160	CC	Ecopark B1	Khu đô thị Ecopark,Văn Giang	Hưng Yên	Không BĐS	22	900	2	4DF	1	-	990	1,040	47,817	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
161	CC	Ecopark B2	Khu đô thị Ecopark,Văn Giang	Hưng Yên	Không BĐS	22	900	2	4DF	1	-	990	1,040	47,817	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
162	CC	Ecopark A1	Khu đô thị Ecopark,Văn Giang	Hưng Yên	Không BĐS	25	900	2	4DF	1	-	1,125	1,181	54,338	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
163	CC	Ecopark A2	Khu đô thị Ecopark,Văn Giang	Hưng Yên	Không BĐS	22	900	2	4DF	1	-	990	1,040	47,817	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
164	CC	Ecopark A3	Khu đô thị Ecopark,Văn Giang	Hưng Yên	Không BĐS	22	900	2	4DF	1	-	990	1,040	47,817	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
165	CC	Chung cư Logico 19	25 Tân Mai	Hoàng Mai	Trong thang máy	16	550	2	2DF	1	-	440	462	21,252	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
166	CC	Đô thị Lotus Lake View HH1-DN1	Gia Thụy	Long Biên	3DF/2 thang	13	700	2	3DF	1		455	478	21,977	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
167	CC	Đô thị Lotus Lake View HH1-DN2	Gia Thụy	Long Biên	3DF/2 thang	13	700	2	3DF	1		455	478	21,977	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
168	CC	Đô thị Lotus Lake View HH2A-DN2	Gia Thụy	Long Biên	3DF/2 thang	13	700	2	3DF	1		455	478	21,977	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
169	CC	Đô thị Lotus Lake View HH2A-DN2	Gia Thụy	Long Biên	3DF/2 thang	13	700	2	3DF	1		455	478	21,977	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
170	CC	Đô thị Lotus Lake View HH2B-DN1	Gia Thụy	Long Biên	3DF/2 thang	13	700	2	3DF	1		455	478	21,977	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
171	CC	Đô thị Lotus Lake View HH2B-DN2	Gia Thụy	Long Biên	3DF/2 thang	13	700	2	3DF	1		455	478	21,977	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
172	CC	CT1 - KĐT Tây Mỗ	Hữu Hưng	Nam Từ Liêm	Trong thang máy	9	900	3	6DF	1		405	425	19,562	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
173	CC	CT2 - KĐT Tây Mỗ	Hữu Hưng	Nam Từ Liêm	Trong thang máy	9	900	3	6DF	1		405	425	19,562	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
174	CC	F Xuân La	28 Xuân La	Tây Hồ	Trong thang máy	15	1,000	3	4DF	1		750	788	36,225	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
175	CC	Chung cư Đội Nhân Block A1	Số 6 Đội Nhân, Ba Đình	Ba Đình	Trong thang máy	14	1,000	2	4DF	1		700	735	33,810	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
176	CC	Chung cư Đội Nhân Block A2	Số 6 Đội Nhân, Ba Đình	Ba Đình	Trong thang máy	14	1,000	2	4DF	1		700	735	33,810	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
177	CC	Chung cư Đội Nhân Block B	Số 6 Đội Nhân, Ba Đình	Ba Đình	Trong thang máy	12	1,000	2	4DF	1		600	630	28,980	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
178	CC	Chung cu 2F Quang Trung	39C, Hai Bà Trưng	Hoàn Kiếm	Trong 1 thang m	8	500	2	2DF	1		200	210	9,660	1	1	1,012,500	1,012,500	-	1,012,500
LOẠI 4															**178**					
1	CC	CC Lô 3B Trường Chinh	Trường Chinh ,HN	Thanh Xuân	Trong thang máy	10	1,000	2	2DF	1		500	525	24,150	1	1	495,000	495,000	-	495,000
2	CC	Chung cư 25 Vũ Ngọc Phan	25 Vũ Ngọc Phan	Đống Đa	Trong thang máy	12	800	2	6SF	-	1	480	504	23,184	1	1	495,000	-	495,000	495,000
3	CC	Chung cư Đặng Xá _A1D1	Đặng Xá, Gia Lâm	Long Biên	Không BĐS	12	1,200	2	2DF	1	-	720	756	34,776	1	1	495,000	495,000	-	495,000
4	CC	Chung cư Đặng xá _A1D2	Đặng Xá, Gia Lâm	Long Biên	Không BĐS	12	1,200	2	2DF	1	-	720	756	34,776	1	1	495,000	495,000	-	495,000
5	CC	Chung cư Đặng xá _A1D3	Đặng Xá, Gia Lâm	Long Biên	Không BĐS	12	1,200	2	2DF	1	-	720	756	34,776	1	1	495,000	495,000	-	495,000
6	CC	Chung cư Đặng xá _A2D1	Đặng Xá, Gia Lâm	Long Biên	Không BĐS	12	1,200	2	2DF	1	-	720	756	34,776	1	1	495,000	495,000	-	495,000
7	CC	Chung cư Đặng xá _A2D2	Đặng Xá, Gia Lâm	Long Biên	Không BĐS	12	1,200	2	2DF	1	-	720	756	34,776	1	1	495,000	495,000	-	495,000
8	CC	Chung cư Đặng xá _A2D3	Đặng Xá, Gia Lâm	Long Biên	Không BĐS	12	1,200	2	2DF	1	-	720	756	34,776	1	1	495,000	495,000	-	495,000
9	CC	Chung cư Đặng xá _A3D1	Đặng Xá, Gia Lâm	Long Biên	Không BĐS	12	1,200	2	2DF	1	-	720	756	34,776	1	1	495,000	495,000	-	495,000
10	CC	Chung cư Đặng xá _A3D2	Đặng Xá, Gia Lâm	Long Biên	Không BĐS	12	1,200	2	2DF	1	-	720	756	34,776	1	1	495,000	495,000	-	495,000

11	CC	Chung cư Đặng xá _C1D4	Đặng Xá, Gia Lâm	Long Biên	Không BĐS	12	1,200	2	2DF	1	-	720	756	34,776	1	1	495,000	495,000	-	495,000
12	CC	Chung cư Đặng xá _C2D4	Đặng Xá, Gia Lâm	Long Biên	Không BĐS	12	1,000	2	2DF	1	-	600	630	28,980	1	1	495,000	495,000	-	495,000
13	CC	Chung cư Đặng xá _CT1	Đặng Xá, Gia Lâm	Long Biên	Không BĐS	8	1,000	2	2DF	1	-	400	420	19,320	1	1	495,000	495,000	-	495,000
14	CC	Chung cư Đặng xá _CT2	Đặng Xá, Gia Lâm	Long Biên	Không BĐS	8	1,000	2	2DF	1	-	400	420	19,320	1	1	495,000	495,000	-	495,000
15	CC	Chung cư Đặng xá _CT3	Đặng Xá, Gia Lâm	Long Biên	Không BĐS	10	1,200	2	2DF	1	-	600	630	28,980	1	1	495,000	495,000	-	495,000
16	CC	Chung cư Đặng xá _CT4	Đặng Xá, Gia Lâm	Long Biên	Không BĐS	10	1,200	2	2DF	1	-	600	630	28,980	1	1	495,000	495,000	-	495,000
17	CC	Chung cư Đặng xá _CT5	Đặng Xá, Gia Lâm	Long Biên	Không BĐS	10	1,200	2	2DF	1	-	600	630	28,980	1	1	495,000	495,000	-	495,000
18	CC	Chung cư Đặng xá _CT6 DNA	Đặng Xá, Gia Lâm	Long Biên	Không BĐS	9	1,000	1	1DF	1	-	450	473	21,735	1	1	495,000	495,000	-	495,000
19	CC	Chung cư Đặng xá _CT6 DNB	Đặng Xá, Gia Lâm	Long Biên	Không BĐS	9	1,000	1	1DF	1	-	450	473	21,735	1	1	495,000	495,000	-	495,000
20	CC	Chung cư Đặng xá _D5 DNA	Đặng Xá, Gia Lâm	Long Biên	Không BĐS	6	1,000	2	1DF	1	-	300	315	14,490	1	1	495,000	495,000	-	495,000
21	CC	Chung cư Đặng xá _D5 DNB	Đặng Xá, Gia Lâm	Long Biên	Không BĐS	6	1,000	2	1DF	1	-	300	315	14,490	1	1	495,000	495,000	-	495,000
22	CC	Chung cư Đặng xá _D6 DNA	Đặng Xá, Gia Lâm	Long Biên	Không BĐS	6	1,000	2	1DF	1	-	300	315	14,490	1	1	495,000	495,000	-	495,000
23	CC	Chung cư Đặng xá _D6 DNB	Đặng Xá, Gia Lâm	Long Biên	Không BĐS	6	1,000	2	1DF	1	-	300	315	14,490	1	1	495,000	495,000	-	495,000
24	CC	Chung cư Đặng xá _D7 DNA	Đặng Xá, Gia Lâm	Long Biên	Không BĐS	6	1,000	2	2DF	1	-	300	315	14,490	1	1	495,000	495,000	-	495,000
25	CC	Chung cư Đặng xá _D7 DNB	Đặng Xá, Gia Lâm	Long Biên	Không BĐS	6	1,000	2	2DF	1	-	300	315	14,490	1	1	495,000	495,000	-	495,000
26	CC	Chung cư Đặng xá _D8 DNA	Đặng Xá, Gia Lâm	Long Biên	Không BĐS	6	1,500	2	2DF	1	-	450	473	21,735	1	1	495,000	495,000	-	495,000
27	CC	Chung cư Đặng xá _D8 DNB	Đặng Xá, Gia Lâm	Long Biên	Không BĐS	6	1,000	1	1DF	1	-	300	315	14,490	1	1	495,000	495,000	-	495,000
28	CC	Chung cư Đặng xá _D9 DNA	Đặng Xá, Gia Lâm	Long Biên	Không BĐS	6	1,500	2	2DF	1	-	450	473	21,735	1	1	495,000	495,000	-	495,000
29	CC	Chung cư Đặng xá _D9 DNB	Đặng Xá, Gia Lâm	Long Biên	Không BĐS	6	1,000	1	1DF	1	-	300	315	14,490	1	1	495,000	495,000	-	495,000
30	CC	Contresxim CT4 - 5	Trung Kính, Yên Hoà	Cầu Giấy	Trong thang máy	15	800	2	4SF	-	1	600	630	28,980	1	1	495,000	-	495,000	495,000
31	CC	Contresxim HH2	Trung Kính, Yên Hoà	Cầu Giấy	Trong thang máy	15	800	4	4SF	-	1	600	630	28,980	1	1	495,000	-	495,000	495,000
32	CC	Chung cư An Lạc Nhà A	Mỹ Đình I	Từ Liêm	Trong thang máy	11	900	2	4SF	-	1	495	520	23,909	1	1	495,000	-	495,000	495,000
33	CC	Chung cư An Lạc Nhà B	Mỹ Đình I	Từ Liêm	Trong thang máy	11	900	2	4SF	-	1	495	520	23,909	1	1	495,000	-	495,000	495,000
34	CC	E3 - DN1 Trung Yên	Trung Yên	Cầu Giấy	Trong thang máy	12	700	2	6SF	-	1	420	441	20,286	1	1	495,000	-	495,000	495,000
35	CC	E3 - DN2 Trung Yên	Trung Yên	Cầu Giấy	Trong thang máy	12	700	2	6SF	-	1	420	441	20,286	1	1	495,000	-	495,000	495,000
36	CC	Mỹ Đình I - Nhà B1	Mỹ Đình I	Từ Liêm	Trong thang máy	10	1,000	2	4SF	-	1	500	525	24,150	1	1	495,000	-	495,000	495,000
37	CC	Mỹ Đình I - Nhà B2	Mỹ Đình I	Từ Liêm	Trong thang máy	10	1,000	2	4SF	-	1	500	525	24,150	1	1	495,000	-	495,000	495,000
38	CC	Mỹ Đình I - Nhà B3	Mỹ Đình I	Từ Liêm	Trong thang máy	10	1,000	2	4SF	-	1	500	525	24,150	1	1	495,000	-	495,000	495,000
39	CC	Mỹ Đình I - Nhà B4	Mỹ Đình I	Từ Liêm	Trong thang máy	15	1,200	2	4SF	-	1	900	945	43,470	1	1	495,000	-	495,000	495,000
40	CC	Mỹ Đình I - Nhà B5	Mỹ Đình I	Từ Liêm	Trong thang máy	15	1,200	2	4SF	-	1	900	945	43,470	1	1	495,000	-	495,000	495,000
41	CC	Mỹ Đình I - Nhà B6	Mỹ Đình I	Từ Liêm	Trong thang máy	15	1,200	2	4SF	-	1	900	945	43,470	1	1	495,000	-	495,000	495,000
42	CC	Mỹ Đình I - Nhà C1	Mỹ Đình I	Từ Liêm	Trong thang máy	9	1,000	2	4SF	-	1	450	473	21,735	1	1	495,000	-	495,000	495,000
43	CC	Mỹ Đình I - Nhà C2	Mỹ Đình I	Từ Liêm	Trong thang máy	15	1,200	2	4SF	-	1	900	945	43,470	1	1	495,000	-	495,000	495,000
44	CC	Mỹ Đình I - Nhà C3	Mỹ Đình I	Từ Liêm	Trong thang máy	19	1,500	2	4SF	-	1	1,425	1,496	68,828	1	1	495,000	-	495,000	495,000
45	CC	Mỹ Đình I - Nhà C4	Mỹ Đình I	Từ Liêm	Trong thang máy	15	1,200	2	4SF	-	1	900	945	43,470	1	1	495,000	-	495,000	495,000
46	CC	Mỹ Đình I - Nhà C5	Mỹ Đình I	Từ Liêm	Trong thang máy	11	1,000	2	4SF	-	1	550	578	26,565	1	1	495,000	-	495,000	495,000
47	CC	Mỹ Đình I - Nhà C6A	Mỹ Đình I	Từ Liêm	Trong thang máy	19	1,500	3	6SF	-	1	1,425	1,496	68,828	1	1	495,000	-	495,000	495,000
48	CC	Mỹ Đình I - Nhà C6B	Mỹ Đình I	Từ Liêm	Trong thang máy	19	1,500	3	6SF	-	1	1,425	1,496	68,828	1	1	495,000	-	495,000	495,000
49	CC	Mỹ Đình I - Nhà C7	Mỹ Đình I	Từ Liêm	Trong thang máy	9	1,000	2	4SF	-	1	450	473	21,735	1	1	495,000	-	495,000	495,000

50	CC	Sông Đà Nhân Chính	Nhân Chính	Thanh Xuân	Trong thang máy	11	800	2	1SF	-	1	440	462	21,252	1	1	495,000	-	495,000	495,000
51	CC	Toà nhà Việt Long (Macino)	Hà Đông	Hà Đông	Trong thang máy	9	800	2	4SF	-	1	360	378	17,388	1	1	495,000	-	495,000	495,000
52	CC	Vinaconex Nhà B	Nguyễn Phong Sắc	Cầu Giấy	Trong thang máy	17	1,500	2	4SF	-	1	1,275	1,339	61,583	1	1	495,000	-	495,000	495,000
53	CC	Vinaconex Nhà D	Nguyễn Phong Sắc	Cầu Giấy	Trong thang máy	17	1,500	4	8SF	-	1	1,275	1,339	61,583	1	1	495,000	-	495,000	495,000
55	CC	V1	Khu Đô Thị Đặng Xá	Gia Lâm	Trong thang máy	6	700	2	2DF	1		210	221	10,143	1	1	495,000	495,000	-	495,000
56	CC	V2	Khu Đô Thị Đặng Xá	Gia Lâm	Trong thang máy	6	700	2	2DF	1		210	221	10,143	1	1	495,000	495,000	-	495,000
57	CC	V3	Khu Đô Thị Đặng Xá	Gia Lâm	Trong thang máy	6	700	2	2DF	1		210	221	10,143	1	1	495,000	495,000	-	495,000
58	CC	D10	Khu Đô Thị Đặng Xá	Gia Lâm	Trong thang máy	6	700	2	2DF	1		210	221	10,143	1	1	495,000	495,000	-	495,000
59	CC	D11	Khu Đô Thị Đặng Xá	Gia Lâm	Trong thang máy	6	1,000	3	2DF	1		300	315	14,490	1	1	495,000	495,000	-	495,000
60	CC	D12	Khu Đô Thị Đặng Xá	Gia Lâm	Trong thang máy	6	700	2	2DF	1		210	221	10,143	1	1	495,000	495,000	-	495,000
61	CC	D13	Khu Đô Thị Đặng Xá	Gia Lâm	Trong thang máy	6	1,000	3	2DF	1		300	315	14,490	1	1	495,000	495,000	-	495,000
62	CC	D14	Khu Đô Thị Đặng Xá	Gia Lâm	Trong thang máy	6	700	2	2DF	1		210	221	10,143	1	1	495,000	495,000	-	495,000
63	CC	D17	Khu Đô Thị Đặng Xá	Gia Lâm	Trong thang máy	6	1,000	3	2DF	1		300	315	14,490	1	1	495,000	495,000	-	495,000
64	CC	D18	Khu Đô Thị Đặng Xá	Gia Lâm	Trong thang máy	6	1,000	3	2DF	1		300	315	14,490	1	1	495,000	495,000	-	495,000
65	CC	D19	Khu Đô Thị Đặng Xá	Gia Lâm	Trong thang máy	6	1,000	3	2DF	1		300	315	14,490	1	1	495,000	495,000	-	495,000
															64					
TỔNG CỘNG										463	112	1,381,137	1,230,158	56,829,605	537		743,265,000	673,650,000	112,792,500	786,442,500

DANH SÁCH CÁC TÒA NHÀ QUẢNG CÁO FRAME TẠI CÁC TỈNH

STT	PHÂN LOẠI TÒA NHÀ	TÒA NHÀ	ĐỊA CHỈ	Tỉnh	LƯU Ý	SỐ TẦNG	DIỆN TÍCH	SỐ THANG	TỔNG FRAME	CHI PHÍ IN ẤN		SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC	LƯỢNG KHÁCH/ TUẦN	LƯỢT XEM QC/TUẦN	SỐ FRAME QC	THỜI GIAN (Tuần)	CHI PHÍ/ 1 TUẦN (VNĐ)	TỔNG CHI PHÍ (VNĐ)		
										DF	SL							DF	SL	TỔNG FRAME
Loại I																				
1	TTTM	Vincom Hải Phòng	Số 1 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền	Hải Phòng	Trong thang	5	6,000	1	2DF	1		6,000	4,950	227,700	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
2	TTTM	Vincom Mega Mall Hạ Long	Thành phố Hạ Long	Quảng Ninh	Trong 2 thang má	6	50,000	1	4DF	1	-	60,000	49,500	2,277,000	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
3	TTTM	Vincom Việt Trì	Đường Hùng Vương, TP. Việt Trì	Phú Thọ	Trong thang	5	22,000	1	2DF	1	-	22,000	18,150	834,900	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
4	TTTM	Vincom Center Thái Bình	Đường Thái Bình, TP. Thái Bình	Thái Bình	Trong thang máy	5	3,000	1	2DF	1	-	3,000	2,475	113,850	1	1	2,025,000	2,025,000	-	2,025,000
TỔNG CỘNG										4	-	91,000	75,075	3,453,450	4	4	8,100,000	8,100,000	-	8,100,000

Note: Bản kế hoạch có thể thay đổi 10% tòa nhà

Method of traffic calculation:

1. DP in lift = working people in whole building x 6.6 times of taking lift in HN*
2. DP at lift bank in Ground floor or Basement = working people in whole building x 6.6 times of taking lift in HN
3. DP at lift bank in other floors = working people in these floors x 6.6 times of taking lift in HN
4. DP in complex building = working people x 6.6 times of taking lift in HN + Shoppers x 2 times

Note: "*" Working people in whole buiding = total sqm/5 (5 sqm for 1 working person) "**"according to AC Neilsen research Q1. 2010

C: complex building: including shopping mall & office

tam ngưng

bắt đầu từ 20/3

bắt đầu từ 20/3

bắt đầu từ 20/3

bắt đầu từ 20/3

bắt đầu từ 20/3

tam ngưng